



VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC
THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH

Báo cáo Kinh tế

Quý I, 2020





VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH

Đại diện: Tiến sỹ VÕ TRÍ THÀNH

Tầng 3, nhà C - Nhà khách La Thành
218 Đội Cấn, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 62 9191 37 - Email: info@bcsi.edu.vn

Website: www.bcsi.edu.vn

LỜI MỞ ĐẦU

Hà Nội, tháng 4 năm 2020

Năm 2019 là một năm khó khăn đối với kinh tế toàn cầu khi tăng trưởng suy giảm ở hầu hết các khu vực; chiến tranh thương mại Mỹ - Trung tiếp tục căng thẳng và có nguy cơ leo thang trở thành cuộc chiến thương mại trên diện rộng. Bước sang đầu năm 2020, thế giới một lần nữa lại phải đối mặt với khó khăn lớn hơn, khi đại dịch Covid-19 đẩy kinh tế toàn cầu đến bờ vực suy thoái nhất nhiều thời đại.

Ở một thái cực khác, mặc dù cũng chịu nhiều ảnh hưởng của dịch bệnh, tác động tiêu cực đến kinh tế trong nước, song so với nhiều quốc gia khác trên thế giới, bức tranh toàn cảnh Việt Nam vẫn được đánh giá khả quan hơn. Cụ thể, mặc dù hạ tăng trưởng của nước ta xuống mức 4,8%, ADB (Ngân hàng Phát triển châu Á) vẫn nhận định Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất châu Á. Các chuyên gia của ADB và WB đều tin tưởng kinh tế Việt Nam có thể phục hồi trở lại vào năm sau; triển vọng được đưa ra trong trung hạn là tương đối tích cực.

Tuy nhiên, Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu rộng, do vậy, khi SARS-CoV-2 đã trở thành đại dịch, làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu và hoạt động ngoại thương giữa các nước, thì các kịch bản cho kinh tế trong nước thời gian tới vẫn là một bài toán nan giải.

Viện Nghiên cứu Chiến lược Thương hiệu & Cạnh tranh (BCSI) lập “Báo cáo kinh tế quý I/2020” nhằm đưa ra cái nhìn tổng quan về tình hình kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam quý I nói riêng, đặt trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 vẫn đang diễn biến nhanh và khó lường, đặc biệt là tại Mỹ, châu Âu và nhiều nền kinh tế lớn khác.

Viện Nghiên cứu Chiến lược Thương hiệu và Cạnh tranh (tên viết tắt - BCSI), là tổ chức khoa học và công nghệ; Tập hợp các nhà khoa học, các cán bộ chuyên môn trình độ cao có kinh nghiệm, tâm huyết để nghiên cứu, tư vấn, chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực xây dựng và phát triển thương hiệu, chiến lược cạnh tranh và quản trị doanh nghiệp, phát triển bền vững, tư vấn, bồi dưỡng đào tạo và hỗ trợ doanh nghiệp, thương hiệu địa phương và sức cạnh tranh của các địa phương. ■

NHÓM NGHIÊN CỨU

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

I. KINH TẾ THẾ GIỚI	1
I.1. Bối cảnh kinh tế thế giới	
trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh SARS - CoV-2	1
I.1.1. Phản ứng chính sách của các quốc gia trước diễn biến dịch Covid-19	7
I.2. Thị trường tài chính thế giới	10
I.2.1. Chứng khoán	11
I.2.2. Ngoại tệ	12
I.2.3. Giá vàng	13
I.2.4. Lợi tức trái phiếu Chính phủ Mỹ	14
I.3. Thị trường năng lượng thế giới	14
II. KINH TẾ VIỆT NAM	17
II.1. Tình hình kinh tế trong nước	19
II.1.1. Tình hình sản xuất	21
II.1.2. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	21
II.1.3. Sản xuất công nghiệp	22
II.1.4. Tình hình hoạt động doanh nghiệp	23
II.2. Chỉ số tiêu dùng CPI và lạm phát cơ bản	24
II.3. Đầu tư	26
II.3.1. Đầu tư toàn xã hội	26
II.3.2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài	27
II.4. Xuất nhập khẩu	28
II.4.1. Xuất khẩu	29
II.4.2. Nhập khẩu	29
II.5. Tài chính	31
II.5.1. Chứng khoán	31
II.5.2. Tăng trưởng tín dụng	31
II.5.3. Giá vàng	32
II.5.4. Tỷ giá USD/VND tăng mạnh	33
II.6. Biến động thị trường dầu khí trong nước và tác động đối với nền kinh tế	34
II.6.1. Tác động tích cực	34
II.6.2. Tác động tiêu cực	35
II.7. Phản ứng chính sách từ phía Nhà nước	35
II.7.1. Chỉ thị 11: Nâng giá trị gói kích thích kinh tế	35
II.7.2. Ngân hàng Trung ương giảm lãi suất, NHTM được đề nghị tăng gói hỗ trợ tín dụng và tiếp tục hạ lãi suất cho vay	36
II.7.2. Hỗ trợ xã hội - Gói hỗ trợ chưa có tiền lệ	37
III. KẾT LUẬN	39
III.1. Chính quyền và bầu cử	39
III.2. Khoa học và sức khỏe	40
III.3. Kinh tế và lối sống toàn cầu	41



I. KINH TẾ THẾ GIỚI

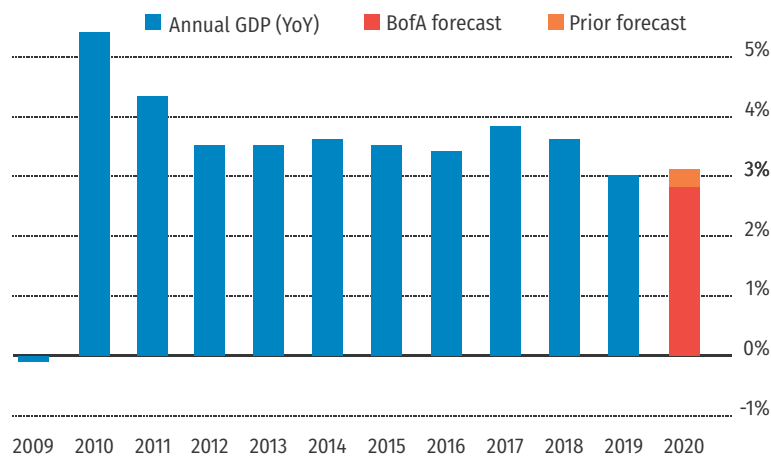
I.1. BỐI CẢNH KINH TẾ THẾ GIỚI TRƯỚC DIỄN BIẾN PHỨC TẠP CỦA DỊCH BỆNH SARS - COV-2

Từ đầu năm đến nay, khi đại dịch covid-19 ngày càng lan rộng, chưa được kiểm soát, diễn biến nhanh, khó lường; dự báo của các tổ chức quốc tế lớn đã luôn phải thay đổi, cập nhật về triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu cũng như các nước, khu vực lớn như Mỹ, Châu Âu, Anh, Trung Quốc, Nhật Bản... Mặc dù chưa có số liệu kinh tế quý I/2020, song đến nay, nhiều tổ chức lớn đã đưa ra nhận định về khả năng suy thoái kinh tế Mỹ và toàn cầu ngày càng rõ nét hơn. Đây là nhận định đảo ngược hoàn toàn so với các dự báo hồi đầu năm (với gam màu sáng chủ đạo, khi căng thẳng Mỹ - Trung có dấu hiệu lắng dịu).

Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), trong báo cáo ngày 3/3, đã dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu chỉ đạt 2,4% trong năm 2020, giảm so với mức 2,9% trong tháng 11/2019. Tuy nhiên, nếu dịch Covid-19 tiếp tục lan rộng và kéo dài thì tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm nay có thể giảm phân nửa và chỉ đạt 1,5%.

OECD dự báo nền kinh tế toàn cầu có thể phục hồi mức tăng trưởng 3,3% vào năm 2021, nếu dịch Covid-19 đạt đỉnh ở Trung Quốc trong quý 1/2020 và các ổ dịch tại những quốc gia khác được kiểm soát. Tuy nhiên, trong viễn cảnh tối tệ nhất là dịch Covid-19 tiếp tục lan nhanh, nền kinh tế nhiều quốc gia sẽ rơi vào tình trạng suy thoái.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP TOÀN CẦU NĂM 2020 CHỈ CÒN 2,8%



Nguồn: International Monetary Fund, Bank of America

Theo BofA Global Research, tăng trưởng GDP toàn thế giới được dự báo sẽ giảm xuống còn 2,8% trong năm 2020 và sẽ là lần mất mốc 3% đầu tiên kể từ cuộc suy thoái kinh tế và khủng hoảng tài chính kết thúc vào giữa năm 2009. Không chỉ Trung Quốc có mức tăng trưởng tệ nhất kể từ năm 1990 mà Mỹ cũng sẽ tăng trưởng thấp chưa từng có trong ít nhất 4 năm qua.

Bức tranh Bank of America đưa ra ảm đạm hơn nhiều so với những gì Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) công bố cuối tuần trước. Khi đó, IMF lạc quan nhận định tăng trưởng GDP toàn cầu chỉ giảm 0,1% vì dịch virus corona chủng mới và sẽ chậm mốc 3,3% trong năm nay.

Nhà kinh tế học người Mỹ Nouriel Roubini - người thường xuyên đưa ra những dự báo bi quan về thị trường tài chính, kinh tế thế giới và nổi tiếng với những tiên lượng táo bạo; đã có những dự đoán đáng chú ý về hậu quả của dịch Covid-19. Theo đó, Nouriel Roubini cho rằng, khủng hoảng sẽ khiến thị trường chứng khoán thế giới sẽ sụt giảm 30-40% và tác động nghiêm trọng hơn nhiều dự đoán của các nhà đầu tư đối với kinh tế Trung Quốc và phần còn lại của thế giới, bởi 4 lý do sau:

Thứ nhất, dịch bệnh không chỉ giới hạn ở Trung Quốc mà đã lan ra khắp toàn cầu.

Thứ hai, dịch bệnh còn lâu mới kết thúc, kèm những hậu quả nghiêm trọng mà các chính trị gia không nhận thấy. Theo chuyên gia này, châu Âu sợ phải đóng cửa biên giới và đó là một sai lầm lớn. Năm 2016, để đối phó với cuộc khủng hoảng người tị nạn, khu vực biên giới mở Schengen thực tế đã bị đóng lại, nhưng tình hình hiện nay thậm chí còn tồi tệ hơn. Ông Roubini cho rằng, nên đóng biên giới Italy càng sớm càng tốt, bởi tình hình sẽ tồi tệ hơn nhiều so với việc 1 triệu người tị nạn kéo đến châu Âu.

Thứ ba, mọi người đều tin đó sẽ là một cuộc suy thoái hình chữ V, nhưng họ lại không hiểu mình đang nói gì mà thích tin vào phép màu. Hãy làm một phép tính đơn giản, nếu nền kinh tế Trung Quốc sụt giảm 2% trong quý I/2020, thì nước này cần đạt tăng trưởng 8% trong ba quý sau đó để có thể đạt tốc độ tăng trưởng 6% trong cả năm như dự kiến trước khi bùng phát dịch bệnh. Nếu tăng trưởng chỉ là 6% từ quý II trở đi - một kịch bản được xem là thực tế hơn, nền kinh tế Trung Quốc sẽ chỉ tăng trưởng 2,5-4% trong cả năm nay. Tỷ lệ này về cơ bản có nghĩa là Trung Quốc bị suy thoái và đó là một cú sốc lớn với thế giới.

Thứ tư, mọi người đều nghĩ rằng, các nhà hoạch định chính sách sẽ phản ứng nhanh chóng, nhưng điều đó cũng không đúng. Các thị trường thì có vẻ đang rất ảo tưởng. Hãy nhìn vào chính sách tài khóa, hiện chỉ có thể thực hiện các công cụ tài chính ở một số quốc gia như Đức, bởi các quốc gia khác như Italy không còn bất kỳ dư lượng nào để thực hiện một chính sách như vậy. Nhưng ngay cả khi họ làm một điều gì đó, thì tiến trình chính trị đòi hỏi rất nhiều cuộc thương lượng và đàm phán. Phải mất 6 đến 9 tháng, đó là quãng thời gian quá dài.

Sự thật là châu Âu lẽ ra đã cần kích thích tài khóa ngay cả khi không có khủng hoảng Covid-19. Italy đã ở bên bờ vực suy thoái, cũng giống như Đức. Nhưng các chính trị gia Đức thậm chí chưa nghĩ về gói kích thích, mặc dù nước này có nhiều quan hệ với Trung Quốc. “Phản ứng chính trị có vẻ như một trò đùa và các chính trị gia thường đi sau. Khủng hoảng rồi sẽ đến và kết cục là một thảm họa”.

Bloomberg mới đây cũng đưa ra 4 kịch bản cực đoan cho kinh tế toàn cầu vì Covid-19:

Kịch bản 1: Trung Quốc hứng đòn nhưng thế giới chỉ tổn thất hạn chế.

Nếu Trung Quốc có thể nhanh chóng dập tắt dịch Covid-19 và các nhà máy ở nước này nối lại hoạt động bình thường trong quý 2, thì tác động của dịch bệnh này đối với nền kinh tế toàn cầu chỉ ở mức hạn chế.

Đó là một khả năng có thực. Một cuộc khảo sát của Made-in-China.com, một nền tảng kết nối các nhà cung cấp Trung Quốc với khách hàng nước ngoài, cho thấy đến cuối tháng 2, 80% công ty sản xuất của Trung Quốc đã nối lại hoạt động. Dự báo đến cuối tháng 4, hoạt động sản xuất của Trung Quốc có thể trở lại mức bình thường.

Nếu kịch bản này xảy ra, một cú sốc nghiêm trọng đối với kinh tế toàn cầu trong nửa đầu năm 2020 sẽ được bù đắp bằng cú phục hồi nhanh chóng trong nửa cuối năm. Dù vậy, kinh tế Trung Quốc cũng sẽ tổn thất khá nặng với mức tăng trưởng cho cả năm 2020 giảm 0,7 điểm phần trăm về mức 5,2% so với mức dự báo 5,9% trước khi dịch Covid-19 xảy ra. Tổn thất của nền kinh tế toàn cầu nói chung và các nền kinh tế lớn khác như Mỹ sẽ được hạn chế và khó nhìn thấy rõ trong dữ liệu GDP của toàn bộ năm 2020.

Tuy nhiên, kịch bản kinh tế toàn cầu phục hồi trong quý 2 bắt đầu không đứng vững khi dịch Covid-19 đang lan rộng ra nhiều nước khác.

Kịch bản 2: Dịch bệnh tác động nhiều đến các nền kinh tế lớn, tăng trưởng toàn cầu về mức 2,3%.

Cách đây một tháng, dịch Covid-19 chủ yếu hoành hành ở Trung Quốc và các nền kinh tế bên ngoài chỉ bị tác động dây chuyền khi chuỗi cung ứng đang bị gián đoạn ở Trung Quốc. Nhưng đến đầu tháng 3, dịch bệnh lan rộng ra nhiều nền kinh tế lớn như: Nhật Bản, Đức, Pháp, Mỹ, Anh... Nền kinh tế của các nước này có thể chịu tổn thất khá nặng do tác động của dịch Covid-19.

Hơn nữa, Trung Quốc có thể mất nhiều thời gian hơn để đưa hoạt động sản xuất về mức bình thường. Điều này có nghĩa là kinh tế Trung Quốc sẽ phục hồi theo hình chữ U chứ không phải chữ V.

Các nhà kinh tế của Bloomberg Economics đặt ra kịch bản tất cả các nước có 100 ca nhiễm trở lên tính đến tuần đầu tháng 3 sẽ hứng chịu cú sốc tương đương 50% so với cú sốc mà dịch Covid-19 gây ra ở Trung Quốc.

Trong trường hợp như vậy, họ dự báo tăng trưởng toàn cầu sẽ lùi về mức 2,3% trong năm nay, thấp hơn nhiều so với mức dự báo 3,1% được đưa ra hồi đầu năm. Tăng trưởng của Trung Quốc sẽ chỉ đạt 4,4%, tức tổn thất 1,5 điểm phần trăm so với mức tăng trưởng dự báo hồi đầu năm. Tăng trưởng của Mỹ sẽ tổn thất 0,2 điểm phần trăm nhưng tăng trưởng của các nước như Nhật Bản, Nga, Đức, Pháp sẽ thiệt hại từ 0,9-1,3 điểm phần trăm.

Kịch bản 3: Tăng trưởng toàn cầu giảm sâu nếu dịch lây lan rộng hơn.

Trong kịch bản thứ ba, Bloomberg Economics giả định dịch Covid-19 lây lan rộng và nghiêm trọng hơn nữa; các nước có 100 ca nhiễm trở lên tính đến tuần đầu tháng 3 như Nhật Bản, Pháp, Đức, Ý, Mỹ... chịu cú sốc ở mức tương đương như ở Trung Quốc; các nước có ca nhiễm ít hơn sẽ chịu cú sốc tương đương 50% so với cú sốc ở Trung Quốc.

Lúc đó, tất cả 10 nền kinh tế lớn nhất thế giới sẽ chứng kiến đà tăng trưởng trì trệ khi họ buộc phải triển khai các biện pháp khống chế đà lây lan của virus Covid-19. Trong kịch bản như vậy, tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ giảm sâu về mức 1,2% trong năm nay. Kinh tế khu

vực eurozone (các nước sử dụng đồng tiền chung euro) và Nhật Bản sẽ rơi vào suy thoái, còn tăng trưởng của Mỹ giảm về mức 0,5%.

Kịch bản 4 : Covid-19 thành đại dịch, tăng trưởng toàn cầu về 0.

Kịch bản tồi tệ nhất mà Bloomberg Economics đặt ra là dịch Covid-19 biến thành đại dịch toàn cầu và tất cả các nước có ca nhiễm đều chịu cú sốc nghiêm trọng, tương đương mức suy giảm tăng trưởng của Trung Quốc trong quý 1.

Nếu kịch bản đó xảy ra, tăng trưởng toàn cầu sẽ rơi về mức zero và GDP toàn cầu có thể mất mát khoảng 2.700 tỷ USD so với mức dự báo hồi đầu năm. Mức tổn thất này tương đương tổng giá trị GDP của nước Anh. Tăng trưởng của Trung Quốc sẽ tụt về mức 3,5%, mức thấp nhất kể từ khi dữ liệu tăng trưởng của nước này được thống kê vào năm 1980. Trong khi đó, tăng trưởng của Mỹ, Nga, Brazil, Nhật, Đức, Pháp, Nhật Bản đều rơi vào vùng âm.

City Research, trong báo cáo ra ngày 18/3/2020 đưa ra dự báo tăng trưởng GDP của Trung Quốc quý I sẽ là -5,2%, quý II là 4,7% và cả năm là 3,7%; của Mỹ quý II chỉ tăng 1,1% (từ mức 1,8% quý I, tương đương mức giảm 38%), quý III là 1,2% và cả năm 1,4%; trong khi Nhật Bản, EU và Anh có thể chứng kiến 3 quý đầu năm tăng trưởng âm.

_____ DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP TOÀN CẦU VÀ MỘT SỐ NƯỚC/KHU VỰC NĂM 2020 _____

	Năm 2019	Năm 2020				
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm
Toàn cầu	2,9	0,2	0,9	1,4	1,8	1,4
Các nước đang phát triển	1,7	0,9	-0,2	-0,2	0,4	0,2
- Mỹ	2,3	1,8	1,1	1,2	1,3	1,4
- Nhật Bản	1,0	-2,2	-2,5	-1,8	0,6	-1,5
- EU	1,2	0,4	-1,5	-1,9	-1,3	-1,1
- Anh	1,3	0,6	-0,9	-0,9	-0,7	-0,6
Các nước mới nổi (EM)	3,7	-1,0	3,0	4,1	4,5	2,9
Các nước mới nổi châu Á	5,6	-2,4	3,9	5,5	5,8	3,5
- Trung Quốc	6,1	-5,2	4,7	6,8	6,9	3,7
- Ấn Độ	4,8	4,8	4,6	5,2	5,7	5,5
Các nước châu Mỹ La tinh	0,1	1,3	0,7	0,9	1,5	1,2
Các nước mới nổi châu Âu	1,8	2,4	1,1	0,9	1,2	1,4
Châu Phi / Trung Đông	0,8	2,6	2,6	2,6	2,7	2,6

Đơn vị tính: % (YoY)

Nguồn: Citi Research (18/3/2020)

Ngày 20/03/2020, tập đoàn ngân hàng Deutsche Bank đưa ra dự báo:

Kịch bản cơ sở: Trung Quốc có thể đạt tăng trưởng 1% trong năm 2020, thấp hơn nhiều so với mức dự báo 6,1% trước khi có dịch. Các nước Mỹ, Nhật và EU được dự đoán là sẽ rơi vào suy thoái với tốc độ tăng trưởng lần lượt là: -1%, -2,7% và -3,5%.

Kịch bản xấu: Trung Quốc sẽ đối mặt với tăng trưởng âm là -1% trong năm 2020. Các nước Mỹ, Nhật và EU sẽ thực sự lún sâu vào suy thoái với tốc độ tăng trưởng lần lượt là -3%, -3,6% và -5,5%.

Ngày 26/03/2020 tạp chí The Economist cũng đưa ra những dự báo rất bi quan về tăng trưởng tại các nước G20. GDP toàn cầu năm 2020 sẽ giảm 2,2%. Trong số 20 nền kinh tế lớn nhất, chỉ có 3 nước được dự đoán là duy trì được tăng trưởng dương là Trung Quốc, Ấn Độ, và Indonesia.

Ngày 25/03/2020, công ty McKinsey đưa ra những dự báo về kinh tế toàn cầu dựa trên một số kịch bản của dịch, với giả định phải ứng chính sách của các quốc gia là thành công trong việc xử lý các thiệt hại kinh tế, không để xảy ra khủng hoảng hệ thống tài chính.

Kịch bản 1: Các quốc gia nhanh chóng và hiệu quả kiểm soát dịch trong khoảng 2-3 tháng:

- Cả Trung Quốc, Mỹ, EU đều tăng trưởng âm trong năm 2020.

- Các quốc gia sẽ bắt đầu hồi phục về trạng thái trước khủng hoảng (quý 4 năm 2019) bắt đầu từ quý III năm 2020.

Kịch bản 2: Hệ thống y tế ban đầu thành công trong việc chống dịch, nhưng sau đó không đủ hiệu quả để ứng phó với sự bùng phát trở lại của dịch theo khu vực, do đó chính sách giữ khoảng cách xã hội được duy trì trong nhiều tháng:

- Các quốc gia và khu vực sẽ rơi vào suy thoái kinh tế sâu trong năm 2020.

- Trung Quốc sẽ phục hồi sớm nhất, vào quý 2 năm 2021. Mỹ và EU sẽ chỉ phục hồi về trạng thái trước khủng hoảng từ quý 1 năm 2023.

Ngày 31/03/2020 World Bank đưa ra dự báo rằng tăng trưởng của nền kinh tế Đông Á và Thái Bình Dương khoảng từ 2,1% đến suy thoái -0,5% trong năm 2020 tùy theo các kịch bản khác nhau. Tuy nhiên các nền kinh tế này sẽ phục hồi mạnh mẽ trong năm 2021.

Như vậy, hầu hết các **dự báo** đều đưa ra nhận định rằng **Mỹ và EU** sẽ rơi vào trong tình trạng **suy thoái kinh tế** nặng nề trong năm 2020. Ảnh hưởng của đại dịch tới các nền kinh tế lớn của Châu Á như Trung Quốc, Nhật, Hàn Quốc được đánh giá là ít tiêu cực hơn, do thành công trong việc kiểm soát dịch.

Theo đó, các dự báo của các tổ chức quốc tế về tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong bối cảnh ảnh hưởng của đại dịch là tương đối tiêu cực. Kinh tế toàn cầu có thể thiệt hại khoảng 1000-2000 tỷ USD trong năm 2020, tăng trưởng giảm 0,5 đến 1,5% tùy kịch bản (UNCTAD, IIF, OECD, IMF, HSBC, Oxford Economics, ADB). Tuy nhiên hầu hết phần lớn các dự báo

này mới chỉ sử dụng các số liệu từ đầu tháng 3 trở về trước khi mà đại dịch chưa thực sự bùng phát ở Châu Âu và Mỹ, trong khi hiện tại, Châu Âu và Mỹ đang trong thời kỳ cao điểm của dịch bệnh, và được đánh giá là sẽ đối mặt với sự sụt giảm mạnh GDP của quý II. Sự phục hồi bước đầu của Trung Quốc, cùng với việc Hàn Quốc đang dần kiểm soát tốt dịch bệnh lại là những tín hiệu tích cực ban đầu đối với chuỗi cung ứng toàn cầu.

TÁC ĐỘNG CỦA COVID-19 ĐẾN KINH TẾ QUA NHỮNG CON SỐ

Lĩnh vực tác động	Mức độ tác động	Tác động cụ thể
Giao thông vận tải, du lịch	> 200.000	Tổng các chuyến bay quốc tế đến và đi từ Trung Quốc cùng số chuyến bay nội địa nước này đã bị các hãng hàng không hủy bỏ để ngăn chặn Covid-19.
	100 tỷ USD	Ước tính tổn thất doanh thu của các hãng hàng không, sân bay và các ngành công nghiệp có liên quan đến Covid-19, theo International Bureau of Aviation - một hãng tư vấn hàng không.
	75%	Sự sụt giảm trong tháng 3/2020 về nhu cầu đi đến khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, không tính Trung Quốc, của United Airlines. United dự kiến những chuyến bay này sẽ chiếm 10% công suất trong năm nay.
	25%	Ước tính lượng container giảm trong tháng 2/2020 tại cảng Los Angeles, cửa ngõ lớn nhất của Mỹ đối với hàng nhập khẩu bằng đường biển từ Trung Quốc.
	90%	Tỷ lệ các nhà xuất khẩu Trung Quốc cho biết khó vận chuyển hàng hóa, theo khảo sát từ 7.000 công ty Trung Quốc.
	92%	Mức giảm doanh số bán xe ở Trung Quốc trong 16 ngày đầu tháng 2/2020.
	50 triệu USD	Doanh thu ước tính sụt giảm của du thuyền Royal Caribbean vì Covid-19.
	9,4%	Mức giảm số vé bán của đại lý du lịch Mỹ giao dịch bằng USD trong tuần cuối tháng 2/2020 so với cùng kỳ năm ngoái.
Hoạt động kinh doanh	291.000	Số nhân viên của Nestlé được yêu cầu tạm hoãn tất cả các chuyến công tác nước ngoài đi bất cứ đâu, cho đến ngày 15/3.
	0 CNY	Doanh thu phòng vé của Trung Quốc vào kỳ nghỉ Tết Nguyên đán vừa rồi. Trong khi đó, con số của mùa Tết Nguyên đán 2019 là 5,9 tỷ nhân dân tệ, tương đương 840 triệu USD.
	3 tỷ CNY	Dự báo giảm lợi nhuận quý đầu tiên của Tập đoàn thép Baowu, do gián đoạn sản xuất bởi dịch bệnh. Đây là hãng thép lớn nhất Trung Quốc.
	85%	Sụt giảm hoạt động kinh doanh của Adidas từ ngày 25/1 đến ngày 19/2 tại Trung Quốc đại lục so với cùng giai đoạn của năm 2019.
	50-60 triệu USD	Tổn thất doanh thu của Under Armour trong quý đầu tiên năm nay, liên quan đến sự bùng phát của dịch bệnh.
	35-45 triệu USD	Mức giảm doanh thu của Ralph Lauren trong quý IV năm tài chính 2020 do doanh số bán hàng chậm hơn ở Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc.
	175 triệu USD	Tổn thất của Walt Disney trong quý hiện tại, nếu công viên giải trí của họ tại Thượng Hải và Hong Kong bị đóng cửa trong hai tháng.

	25 triệu USD	Mức giảm doanh thu mỗi tháng của Marriott trong năm nay, so với triển vọng ban đầu. Con số này dựa trên giả sử tỷ lệ lấp đầy thấp như hiện tại ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương vẫn kéo dài.
	100 triệu USD	Mức giảm doanh số dự kiến cho quý này của hãng chip Nvidia do Covid-19.
	38%	Tăng trưởng giá cổ phiếu của hãng cung cấp phần mềm họp từ xa - Zoom Video Communications trong tháng 2/2020. Nhà đầu tư kỳ vọng các công ty sẽ tổ chức nhiều cuộc họp hơn qua công cụ này thay vì trực tiếp.
Năng lượng	50,52 USD	Giá đóng cửa mỗi thùng Brent hôm thứ sáu (28/2). Đây là mức thấp nhất trong hơn một năm. Các nhà buôn dự báo virus corona lan rộng sẽ làm tê liệt nhu cầu dầu.
	500.000	Số thùng dầu thô mỗi ngày chuyển đến Trung Quốc mà Ả Rập Xê Út dự định cắt giảm vào tháng 3/2020. Thông thường, nước này cung cấp cho Trung Quốc 1,7 triệu thùng dầu thô mỗi ngày.
	40%	Mức giảm trong tiêu thụ than trung bình tại các công ty điện lực lớn của Trung Quốc trong tuần cho đến ngày 25/2 so với một năm trước, theo Goldman Sachs.
Vĩ mô và lĩnh vực khác	1.000 tỷ USD	Theo một số chuyên gia kinh tế, con số này là ước tính tổn thất tiềm năng trong sản lượng toàn cầu do việc ngừng sản xuất, xuất khẩu và tiêu thụ của Trung Quốc vì Covid-19.
	8,7%	Tỷ lệ các công ty thành viên của Phòng Thương mại Mỹ tại Thượng Hải dự kiến dịch bệnh tác động tiêu cực đến doanh thu.
	1,1 tỷ USD	Các cam kết quảng cáo của NBCUniversal cho Thế vận hội Tokyo mùa hè 2020, kể từ tháng 1/2020. Hiện nay, sự kiện này được cân nhắc sẽ hoãn lại hoặc hủy bỏ.

Mức độ tác động tính ở thời điểm đầu T3/2020. CNY: Nhân dân tệ

Nguồn: Phiên An - Theo Wall Street Journal

1.1.1. Phản ứng chính sách của các quốc gia trước diễn biến dịch Covid-19

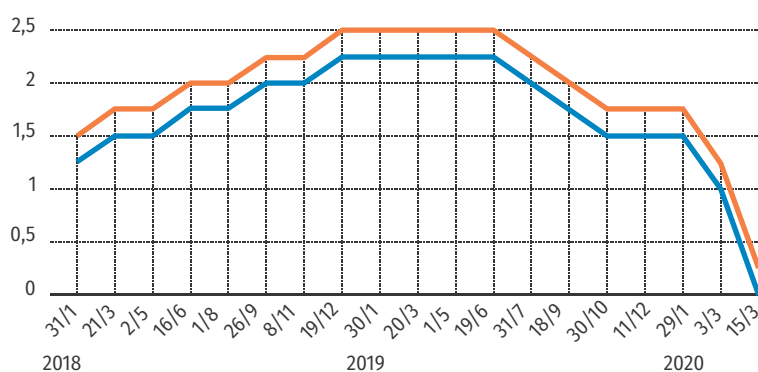
Nhận thức chung của các quốc gia là Covid-19 có tác động vô cùng lớn, đòi hỏi những phản ứng chính sách nhanh và quyết liệt. Với việc áp dụng chính sách cô lập và cách ly để kiểm soát dịch, các chính sách kinh tế vĩ mô sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo những mục tiêu sau:

- Đảm bảo nhân lực, vật lực cho công tác chống dịch.
- Đảm bảo những nhu cầu thiết yếu cho đời sống của người dân.
- Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ - đối tượng có tiềm lực tài chính hạn chế, dễ tổn thương do hoạt động sản xuất bị ngưng trệ.
- Duy trì thanh khoản của hệ thống tài chính.
- Hỗ trợ một số ngành chịu ảnh hưởng trực tiếp từ chính sách kiểm soát dịch bệnh như hàng không, du lịch, bán lẻ...

Đối với Mỹ - nền kinh tế lớn nhất thế giới, Chính phủ Mỹ đã liên tiếp tung ra các gói hỗ trợ trước những tác động rõ rệt của dịch Covid-19 vào nền kinh tế nước này. Ngày 15/3, gói

hỗ trợ nền kinh tế được tung ra gồm 4 biện pháp chính: cắt giảm lãi suất cơ bản về 0-0,25%; áp dụng chương trình nới lỏng định lượng (QE) 700 tỷ USD thông qua việc mua TTCP và chứng khoán thế chấp bằng nhà ở; hạ lãi suất cho vay tái chiết khấu 1,25 điểm %, hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc về 0%; cho phép hoán đổi tiền tệ với 5 ngân hàng trung ương (NHTW) của Canada, Anh, Nhật Bản, châu Âu và Thụy Sĩ. Đây là lần thứ 2 Fed phải hạ lãi suất khẩn cấp chỉ trong tháng 3 khi mà những tác động tiêu cực từ dịch Covid-19 tới kinh tế xã hội Mỹ và thế giới lớn hơn rất nhiều so với đánh giá ban đầu, đã tác động mạnh đến kinh tế thế giới.

NHỮNG LẦN ĐIỀU CHỈNH LÃI SUẤT GẦN ĐÂY CỦA FED



(Nguồn: BCSI tổng hợp)

Theo ông Zong Liang - Trưởng nghiên cứu Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC), Fed cắt giảm lãi suất do 4 nguyên nhân:

Thứ nhất, dịch Covid-19 đe dọa nghiêm trọng đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu, các nền kinh tế lớn buộc phải cắt giảm dự báo tăng trưởng cho năm 2020.

Thứ hai, áp lực giảm tăng trưởng ngày càng tăng, kết hợp với việc gián đoạn chuỗi cung và suy giảm kinh tế toàn cầu.

Thứ ba, Fed cắt lãi suất là để ngăn đà giảm mạnh của thị trường chứng khoán, và ngăn sự hình thành của một cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu mới. Hiện các nước áp dụng chính sách tiền tệ nới lỏng định lượng từ sau khủng hoảng tài chính năm 2008, dòng vốn toàn cầu đổ dồn vào thị trường chứng khoán Mỹ, làm thị trường tăng giá kỷ lục trong một thời gian dài. Khi nền kinh tế yếu đi, thị trường vốn dao động mạnh, lợi nhuận doanh nghiệp và các thành tố cơ bản của nền kinh tế bị làm suy yếu bởi dịch bệnh, các nhà đầu tư có tâm lý lo sợ, làm bốc hơi nghìn tỷ USD.

Thứ tư, sức ép mạnh từ Tổng thống Trump trong cuộc cạnh tranh chính trị cam go của năm bầu cử, các chính sách của Mỹ phải đối mặt với những bất trắc lớn hơn, đẩy Fed đưa ra quyết định này để bình ổn thị trường. Tuy nhiên, sự suy giảm của thị trường sau quyết định của Fed cho thấy, thủ thuật này không phát huy tác dụng.

Ngày 18/3, quốc gia này tiếp tục thông qua dự luật trị giá 104 tỷ USD với các điều khoản chi trả bảo hiểm thất nghiệp, cho phép người lao động Mỹ được nghỉ phép hưởng lương

trong tình huống khẩn cấp và được xét nghiệm virus SARS-CoV-2 miễn phí. Ngoài ra, người lao động vẫn được chi trả tối đa 10 ngày nghỉ ốm.

Ngày 23/3, Fed tuyên bố sẽ mua không giới hạn trái phiếu Chính phủ Mỹ và chứng khoán đảm bảo bằng thế chấp để hỗ trợ hoạt động của thị trường tài chính.

Tối ngày 25/3, Thượng viện Mỹ đã thông qua dự luật kích thích kinh tế chống dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19 trị giá 2.000 tỷ USD. Đây là dự luật hỗ trợ thứ 3 và là dự luật có số tiền lớn nhất của Chính phủ Mỹ nhằm đối phó với dịch Covid-19.

PHẢN ỨNG CHÍNH SÁCH CỤ THỂ CỦA CÁC QUỐC GIA

Quốc gia	Chính sách tài khóa	Chính sách tiền tệ
Trung Quốc	<ul style="list-style-type: none"> - Gói kích thích tài khóa khoảng 1,3 nghìn tỷ RMB đã được thông qua, bao gồm những giải pháp chính: - Tăng chi tiêu cho công tác chống và kiểm soát dịch - Sản xuất trang thiết bị y tế - Đẩy nhanh giải ngân bảo hiểm thất nghiệp - Giảm thuế và miễn đóng BHXH 	<ul style="list-style-type: none"> - Cắt giảm 1% tỷ lệ dự trữ bắt buộc. - Tái cấp vốn 800 tỷ RMB để các ngân hàng cho các tập đoàn lớn vay. - Yêu cầu các tổ chức tài chính gia hạn đối với các khoản vay dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.
Hàn Quốc	<ul style="list-style-type: none"> - 9,4 tỷ USD ngân sách bổ sung để chống dịch. - Gói hỗ trợ 38 tỷ USD cho DN nhỏ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm lãi suất liên ngân hàng xuống 0,25%.
Nhật Bản	<ul style="list-style-type: none"> - Dành 1,8%-2,7% GDP ngân sách bổ sung để hỗ trợ người lao động, cho vay DN nhỏ và hỗ trợ tiền mặt cho người dân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm lãi suất cho vay đối với các tập đoàn chịu ảnh hưởng từ dịch. - 700 tỷ JPY chương trình mua trái phiếu.
Mỹ	<ul style="list-style-type: none"> - Dành 2,2 nghìn tỷ USD để kích thích kinh tế. - 105 tỷ USD đẩy mạnh công tác chống dịch, hỗ trợ người dân khám và điều trị bệnh do Covid-19. - Mở khóa quốc gia 50 tỷ USD để sử dụng ứng phó với thảm họa quốc gia. - 8,3 tỷ USD chi cho y tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm lãi suất xuống còn 0%- 0,25%. - Gói 700 tỷ USD mua tài sản (500 tỷ mua trái phiếu, 200 tỷ mua chứng khoán được đảm bảo). - Chương trình nới lỏng định lượng không giới hạn.
Anh	<ul style="list-style-type: none"> - Gói 330 tỷ GBP (15%GDP) cho vay đảm bảo. - Gói 27 tỷ GBP giảm thuế cho DN. - 7 tỷ GBP chi tiêu khẩn cấp hỗ trợ cho DN, hộ gia đình. - 5 tỷ GBP cho công tác chống dịch. 	<ul style="list-style-type: none"> - 200 tỷ GBP mua trái phiếu DN. - Giảm lãi suất 0,65%. - Nhiều chương trình hỗ trợ tín dụng.
Đức	<ul style="list-style-type: none"> - Gói kích thích tài khóa khoảng 1% GDP - 25 tỷ EURO cho Ủy ban Châu Âu để ứng phó với dịch bệnh - 460 tỷ EURO để đảm bảo khả năng thanh toán của DN thông qua bảo lãnh Nhà nước, nới lỏng điều kiện tiếp cận tín dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Theo chính sách tiền tệ chung của NHTW Châu Âu: - 750 tỷ EURO chương trình mua trái phiếu. - 120 tỷ EUR chương trình mua tài sản.

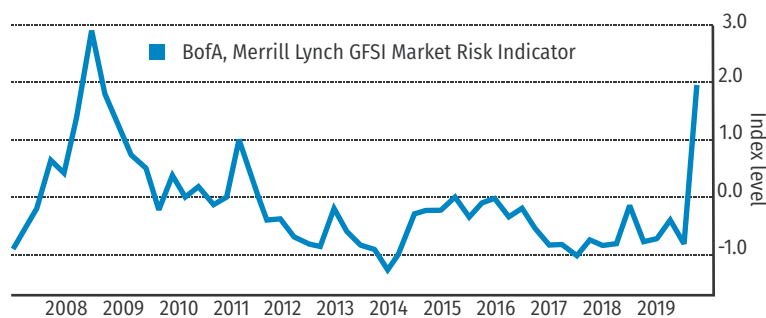
Pháp	- Gói 45 tỷ EUR (1,9%GDP) cho chi tiêu khẩn cấp.	- Theo chính sách tiền tệ chung của NHTW Châu Âu:
Ý	- Gói 1,5 tỷ EURO cho chống dịch. - Gói kích thích kinh tế 25 tỷ EURO.	- 750 tỷ EURO chương trình mua trái phiếu. - 120 tỷ EUR chương trình mua tài sản.
Tây Ban Nha	- Gói 17 tỷ EURO chi tiêu công. - 100 tỷ EURO cho vay do nhà nước bảo đảm.	
Thái Lan	Gói 518 tỷ THB (3%GDP) cho: - Chi cho hoạt động y tế - Phát tiền và cho vay đối với 3 triệu người lao động ngoài hệ thống an sinh xã hội - Giảm thuế cho các DN vừa và nhỏ.	- Giảm lãi suất từ 1,25% xuống 0,75% - Chương trình hỗ trợ vay vốn lưu động để các DN duy trì hoạt động - Nới lỏng các điều kiện trả nợ, cơ cấu lại nợ.
Indonesia	Gói tài khóa 33,3 nghìn tỷ IDR (0,2%GDP): - Hỗ trợ ngành du lịch - Hỗ trợ gia đình có thu nhập thấp - Miễn thuế lao động cho người lao động trong các ngành công nghiệp.	- Giảm lãi suất từ 5% xuống 4,5%. - Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc.
Malaysia	Gói tài khóa 6 tỷ MYR (0,4% GDP): - Tăng chi tiêu cho trang thiết bị y tế - Miễn thuế tạm thời - Hỗ trợ tiền mặt - Đầu tư cho hạ tầng.	- Giảm lãi suất từ 2,75% xuống 2,5% - Giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc 3% xuống 2%. - 3,3 tỷ MYR hỗ trợ cho vay các DN vừa và nhỏ - Nới lỏng các quy định giám sát với các ngân hàng thương mại.

Nguồn: Tổng hợp của nhóm nghiên cứu ĐHKQTĐ

I.2. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

Thị trường tài chính toàn cầu chứng kiến nhiều biến động lớn trong tháng 3 khi thỏa thuận cắt giảm hơn nửa sản lượng khai thác dầu thô của OPEC và các đồng minh thất bại khiến giá dầu lao dốc chưa từng có, chứng khoán Mỹ vừa trải qua cú náo loạn lớn nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, hay lợi suất trái phiếu dài hạn của Mỹ cũng liên tục xác lập những kỷ lục buồn... Mặc dù một số điểm sáng vẫn xuất hiện, tuy nhiên, chỉ số đo nỗi sợ hãi của các nhà đầu tư không có dấu hiệu giảm.

SỰ LO NGẠI VỀ TƯƠNG LAI THỊ TRƯỜNG VƯỢT LÊN NGƯỠNG CAO NHẤT KỂ TỪ CUỘC KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH NĂM 2008



Nguồn: BofAML, Bloomberg

CÁC NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG TRÊN THẾ GIỚI
 ĐỒNG LOẠT NƠI LÔNG CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ ĐỂ HỖ TRỢ NỀN KINH TẾ

Ngày	Chính sách tiền tệ
5/2	- Thái Lan cắt 25 điểm cơ bản lãi suất repo.
6/2	- Philippines giảm 25 điểm cơ bản lãi suất điều hành.
20/2	- Trung Quốc giảm 10 điểm lãi suất cho vay cơ bản. - Indonesia điều chỉnh 10 điểm cơ bản lãi suất repo.
3/3	- FED cắt 50 điểm cơ bản lãi suất điều hành và thông báo tăng mạnh quy mô các thỏa thuận mua lại (repo) trị giá 1.500 tỷ USD. - Malaysia giảm 25 điểm cơ bản lãi suất điều hành. - Hồng Kông cắt 50 điểm lãi suất cơ bản.
4/3	- Canada giảm 50 điểm cơ bản lãi suất điều hành.
10/3	- Anh hạ 50 điểm cơ bản lãi suất điều hành.
12/3	- Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) tuyên bố tăng quy mô gói nới lỏng định lượng thêm 120 tỷ EURO (~135,3 tỷ USD).
13/3	- Canada tiếp tục hạ lãi suất điều hành thêm 50 điểm cơ bản.
15/3	- FED cắt 100 điểm cơ bản lãi suất điều hành và cam kết mua 700 tỷ đô la trái phiếu Chính phủ và chứng khoán bảo đảm bằng thế chấp. - Hàn Quốc giảm 50 điểm cơ bản lãi suất điều hành.
16/3	- Hồng Kông hạ 64 điểm lãi suất cơ bản. - Nhật tuyên bố tăng gấp đôi trị giá chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục mua vào lên 112 tỷ USD.
23/3	Fed tuyên bố sẽ mua không giới hạn trái phiếu Chính phủ Mỹ và chứng khoán đảm bảo bằng thế chấp để hỗ trợ hoạt động của thị trường tài chính.

Nguồn: Bloomberg, CNBC, cbrates.com

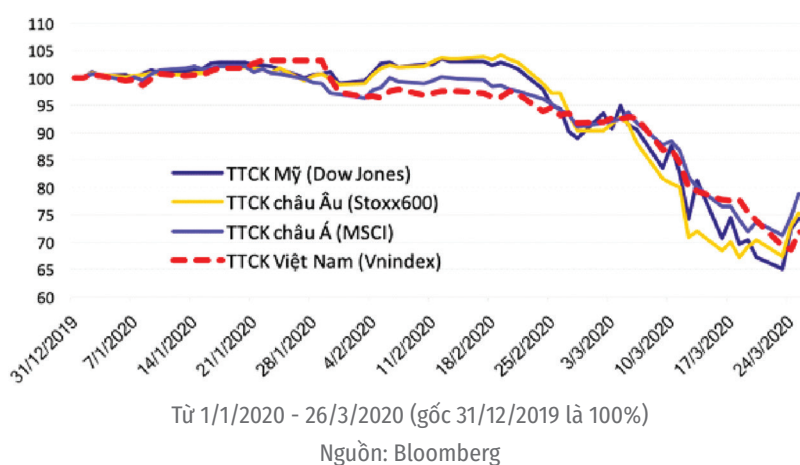
1.2.1. Chứng khoán

Mặc dù số liệu kinh tế quý I/2020 chưa được công bố, song những diễn biến trên thị trường chứng khoán cho thấy niềm tin và triển vọng hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, cũng như triển vọng tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn rất ảm đạm, khiến nhà đầu tư bán mạnh tài sản nhiều rủi ro để đa dạng hóa và đầu tư nhiều hơn vào tài sản an toàn hơn.

Cụ thể, chỉ trong tuần từ 16-20/3/2020, cả 3 chỉ số chứng Mỹ đều sụt giảm mạnh từ 13-17%, sau khi sụt giảm từ 10-12% tuần trước đó. Tính chung, chỉ số Dow Jones giảm mạnh 35,2%, trong khi S&P500 giảm 32,1% so với mức đỉnh hồi tháng 2/2020, và giảm 30% so với đầu năm 2020. Tương tự chỉ số chứng khoán tại Châu Âu, Anh, Nhật Bản và một số nước Châu Á đều giảm mạnh từ 20-30%; của Việt Nam giảm mạnh 27,8% so với đầu năm.

Chỉ tính riêng ngày 16/3, Phố Wall trải qua mức suy giảm lớn nhất kể từ đợt sụp đổ năm 1987 sau khi Fed, các nhà làm luật và Nhà Trắng có những bước đi chưa từng có nhằm làm chậm sự lây lan và tác động của dịch Covid-19 nhưng vẫn không thể vực dậy thị trường. Đây là mức giảm kỷ lục lần thứ 3, được so sánh với sự cố “Thứ Hai đen tối” năm 1987 và vụ lao dốc vào tháng 10/1929.

DIỄN BIẾN CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN MỸ, CHÂU ÂU, CHÂU Á, VIỆT NAM

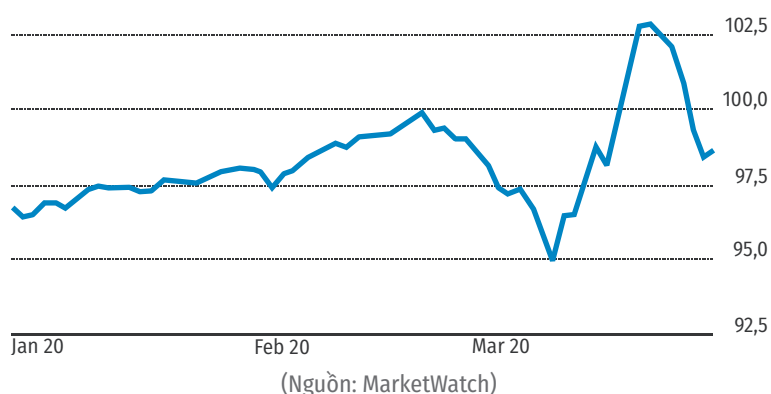


Nguyên nhân chủ yếu của thực trạng trên là do tâm lý nhà đầu tư quan ngại về tình hình dịch đã tác động tiêu cực đến kinh tế, xã hội của các nước; đặc biệt khi một số nước châu Âu và Mỹ phải tuyên bố tình trạng khẩn cấp, ban bố lệnh phong tỏa, hạn chế đi lại, tụ tập...; làm tê liệt nhiều hoạt động sản xuất - kinh doanh, học tập, giải trí... của nhiều quốc gia.

1.2.2. Ngoại tệ

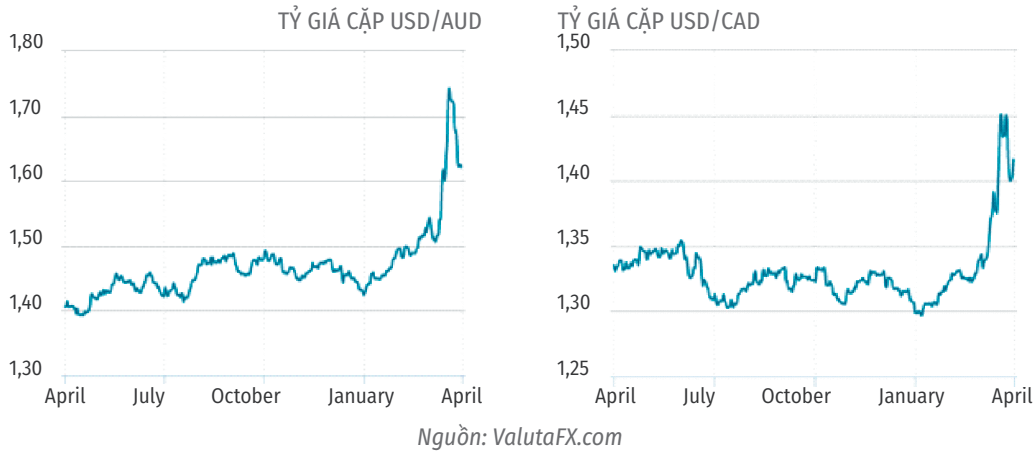
Thị trường tài chính thế giới cũng chứng kiến sự chao đảo, với nhiều đồng tiền tụt giảm 10-20%. Đồng USD trong khi đó tiếp tục tăng giá so với các loại tiền khác trong giỏ tiền tệ.

DIỄN BIẾN CHỈ SỐ USD INDEX TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN NAY



Trên thị trường tài chính quốc tế, đồng bạc xanh chứng kiến mức tăng giá mạnh nhất từ đầu năm 2020 đến nay, lên trên 102 điểm, có lúc chạm mốc 103 điểm. Các nhà đầu tư đang đổ xô vào nắm giữ USD trong bối cảnh đại dịch tràn lan gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế toàn cầu. Đây là nguyên nhân khiến đồng tiền này tăng mạnh những ngày qua. Đồng đôla Mỹ đã nhận được sự hỗ trợ lớn sau khi Chính phủ Mỹ công bố các gói kích thích kinh tế. Việc đồng bạc xanh mạnh lên khiến các ngoại tệ khác “yếu thế” trước USD.

BIẾN ĐỘNG ĐỒNG AUD VÀ CAD SO VỚI USD MỘT NĂM QUA

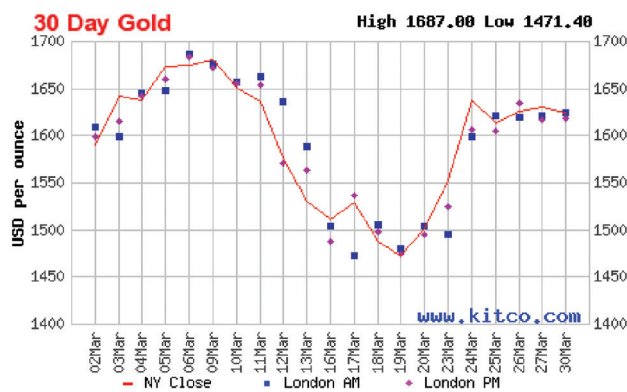


1.2.3. Giá vàng

Trong bối cảnh triển vọng kinh tế thế giới âm ảm, nhiều bất định, vàng cũng được coi là kênh trú ẩn an toàn, thay cho một số kênh đầu tư khác như chứng khoán, bất động sản... Tính chung từ đầu năm đến nay, giá vàng thế giới đã tăng gần 11%; mặc dù có nhiều phiên giảm mạnh, cùng chiều với sự sụt giảm của chứng khoán thế giới.

Khoảng hơn 1 tháng qua, giá vàng tăng nhưng không mạnh, thể hiện trong bối cảnh nhiều rủi ro, nhà đầu tư thường tìm đến tiền mặt (trong đó có đồng USD) hoặc đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Mỹ.

DIỄN BIẾN GIÁ VÀNG THẾ GIỚI THÁNG 3/2020



Tuy nhiên, sau khi Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) tuyên bố sẽ bắt đầu một giai đoạn nới lỏng định lượng không giới hạn mới, giá vàng thế giới đã bật tăng trở lại. Theo phân tích, hành động nhanh của FED là để cố gắng tránh sự sa thải lao động. FED cũng đang sử dụng tất cả các kênh có sẵn để tạo thanh khoản như trái phiếu kho bạc, giấy thương mại, trái phiếu doanh nghiệp, thị trường trái phiếu đô thị. Tốc độ mở rộng trên một loạt tài sản lớn chưa từng thấy chính là liều thuốc kích thích khiến giá vàng thế giới bùng lên.

1.2.4. Lợi tức trái phiếu Chính phủ Mỹ

Do lo ngại khủng hoảng, các nhà đầu tư tìm đến trái phiếu chính phủ và kênh đầu tư an toàn, khiến giá trái phiếu tăng mạnh, đồng nghĩa với lợi tức trái phiếu Chính phủ Mỹ giảm mạnh, thậm chí có nhiều thời điểm lợi tức trái phiếu chính phủ Mỹ dài hạn (10 năm) tương đương lợi tức trái phiếu thời hạn 2 năm. Hiện tượng này được gọi là “đường cong lợi tức đảo ngược”, và thị trường đã xảy ra ít nhất 7 lần diễn biến như thế này trước 7 cuộc suy thoái trước đây.

LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU KHO BẠC 10 NĂM VÀ 30 NĂM CỦA MỸ LẦN ĐẦU TIÊN TRONG LỊCH SỬ RƠI XUỐNG DƯỚI 1%



Nguồn: Bloomberg

1.3. THỊ TRƯỜNG NĂNG LƯỢNG THẾ GIỚI

Thị trường dầu mỏ thế giới đang chứng kiến giai đoạn bước ngoặt rất quan trọng sau khi Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) và những đối tác chủ chốt, dẫn đầu là Nga, không thể đạt được thỏa thuận cắt giảm nguồn cung hơn nữa, trong khi thỏa thuận cũ sẽ chính thức hết hạn vào cuối tháng 3 này. Theo đó, trong phiên giao dịch ngày 9/3, giá dầu đã giảm 1/3 - mức giảm chưa từng có đối với giá dầu thô - theo nhận định của chuyên gia.

Diễn biến này có thể châm ngòi cho một cuộc chiến giá dầu giữa OPEC và các nước ngoài OPEC nhằm giành giật thị phần năng lượng ngay cả khi dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19 đang diễn biến phức tạp và tác động mạnh tới nhu cầu tiêu thụ “vàng đen” trên toàn cầu.

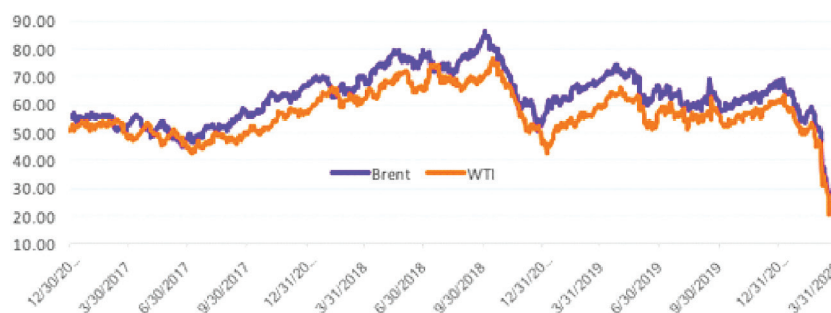
Trong động thái đáp trả Nga, Ả Rập Xê Út bất ngờ thay đổi quan điểm 180 độ bằng cách thúc đẩy OPEC tăng sản lượng dầu ngay sau khi thỏa thuận cũ kết thúc vào cuối tháng 3/2020. Theo đó, Công ty Saudi Aramco sẽ tăng sản lượng từ 12 triệu lên 13 triệu thùng/ngày, Adhoc của UAE cũng tăng sản lượng từ 3 triệu lên 4 triệu thùng/ngày, Kuwait cũng đã nhất trí theo Ả Rập Xê Út tuy chưa khẳng định con số tăng cụ thể là bao nhiêu cho đến tháng 4. Theo Bloomberg, Ả Rập Xê Út có lợi thế lớn về giá dầu nhờ chi phí khai thác rẻ nhất thế giới ở mức 2,8 USD/thùng, so với mức 16 USD/thùng của Tập đoàn Exxon Mobil (Mỹ) và 20 USD/thùng của Tập đoàn Rosneft (Nga).

Ngoài ra, Ả Rập Xê Út cũng tuyên bố sẽ cắt giảm giá dầu giao tháng 4, với mức giảm từ 4 - 6 USD/thùng cho khu vực châu Á, 7 USD/thùng cho Mỹ. Cùng với đó, Tập đoàn xăng dầu quốc gia Aramco của Ả Rập Xê Út còn bán dầu thô Arab Light cho châu Âu với giá thấp hơn 10,25 USD/thùng so với dầu thô Brent - mức chênh lệch chưa từng có từ trước đến nay.

Tính đến hết tháng 3, giá dầu thế giới giảm mạnh khoảng 54% so với thời điểm đầu năm nhưng giới chuyên gia cho rằng đã giảm vẫn chưa kết thúc, dự báo có thể chạm mốc 10 USD/thùng.

Kết phiên giao dịch ngày 30/3, giá dầu thô giảm hơn 7% xuống đáy thấp nhất từ năm 2002 do Ả Rập Xê Út và một số nước khác chuẩn bị tăng cường sản lượng do thời hạn thỏa thuận giảm sản lượng OPEC và các nước đồng minh sẽ kết thúc từ tháng 4. Bên cạnh đó, dịch Covid-19 lan rộng, nhiều thành phố trên thế giới đã bị phong tỏa khiến nhu cầu đi lại giảm mạnh. Trên *MarketWatch*, chuyên gia năng lượng nhận xét, thị trường dầu mỏ đang đối mặt với những vấn đề chưa từng có. Nhu cầu chưa bao giờ giảm nhanh và nhiều như vậy, trong khi lượng dự trữ ngày càng tăng và giá dầu giảm mạnh do nguyên nhân đến cả từ phía cung lẫn phía cầu.

DIỄN BIẾN GIÁ DẦU BRENT VÀ WTI (30/12/2016-31/3/2020)



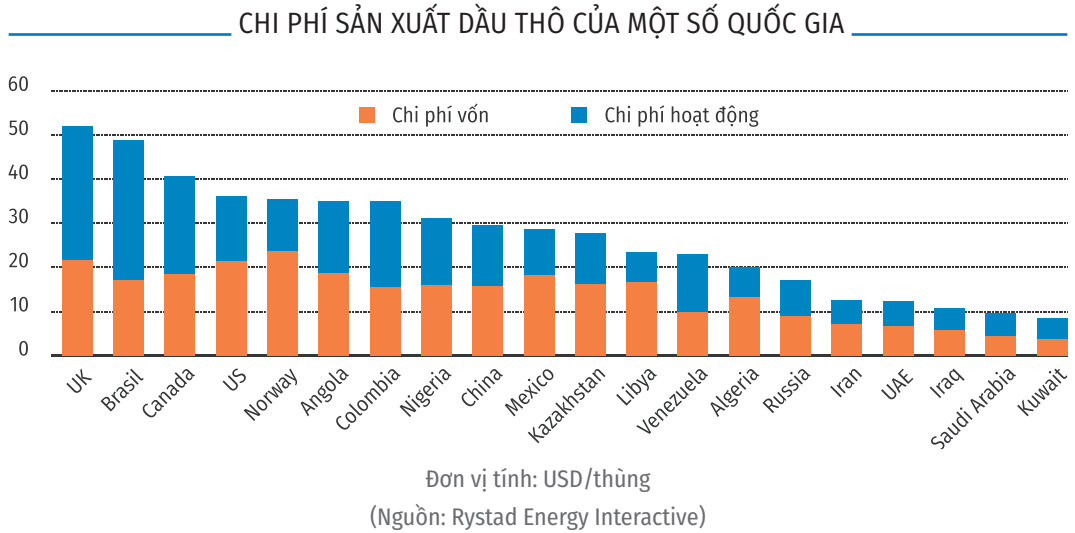
Nguồn: Bloomberg, Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV tổng hợp

Về phía cầu, dịch bệnh Covid-19 đã lan rộng khắp thế giới, đã và đang ảnh hưởng tiêu cực tới kinh tế từng nước, cũng như kinh tế thế giới nói chung; thậm chí có thể dẫn tới suy thoái kinh tế. Theo kịch bản cơ sở của Citi Research mới đây, kinh tế thế giới sẽ rơi vào suy thoái, tăng trưởng -1,6% năm 2020 (so với mức tăng trưởng 2,6% năm 2019), trong đó tăng trưởng GDP của Trung Quốc chỉ khoảng 2,4% (so với mức tăng 6,1% năm 2019), của Mỹ suy giảm -0,5% (so với mức 2,3% năm 2019), của Nhật Bản giảm -1,9% (so với mức tăng 0,7% năm 2019), của Hàn Quốc tăng khoảng 0,3% (so với mức tăng 2% năm 2019), còn khu vực đồng tiền chung Châu Âu thậm chí giảm -8,4% (so với mức tăng trưởng 1,2% năm 2019). Một số dự báo gần đây cảnh báo rủi ro suy thoái kinh tế toàn cầu năm 2020 khá rõ nét, khi đó mức tăng trưởng GDP toàn cầu sẽ còn thấp hơn. Hệ quả là, nhu cầu thế giới về hàng hóa nói chung, trong đó có xăng dầu sụt giảm mạnh.

Về phía cung, OPEC+ (gồm OPEC và các nước liên minh xuất khẩu dầu) và Nga không đạt được thỏa thuận cắt giảm sản lượng dầu khai thác (thỏa thuận sẽ hết hạn vào 31/3/2020), do Nga từ chối đề xuất cắt giảm thêm; khiến lo ngại lượng cung dầu mỏ sẽ tăng sau thời hạn 31/3, khi các nước sẽ loại bỏ mọi giới hạn sản xuất của chính họ.

Bên cạnh hai nguyên nhân chính trên, giá dầu giảm từ đầu năm 2020 đến nay còn do **3 nguyên nhân khác:** (3) từ đầu năm 2020 đến nay, đồng USD đã tăng giá (khoảng 3%) so với hầu hết các đồng tiền chủ chốt khác - yếu tố gây áp lực giảm giá hàng hóa, trong đó có dầu thô do giá dầu được tính theo USD; (4) các nước OPEC, Nga, Mỹ sử dụng giá dầu là

công cụ để trừng phạt kinh tế gián tiếp lẫn nhau (do chi phí vốn và chi phí sản xuất dầu của mỗi nước là khác nhau; và công nghiệp năng lượng là xương sống của các nước này); (5) chi phí khai thác dầu thô tiếp tục giảm nhờ ứng dụng công nghệ mới và tiết giảm chi phí. Hiện nay, chi phí khai thác dầu thô bình quân của các nước sản xuất dầu lớn đều thấp hơn 40 USD/thùng.



Ngoài ra, công ty cung cấp thông tin toàn cầu IHS Markit cho biết, nguồn cung từ Ả Rập Xê Út và các nhà sản xuất khác có thể dẫn đến dư cung dầu thô lớn nhất trong lịch sử. Ước tính nguồn cung dầu dư thừa có thể lên tới 800 triệu đến 1,3 tỷ thùng - gấp đôi hoặc gấp ba so với dư cung dầu vào cuối năm 2015 và đầu năm 2016, khi Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) bơm thêm dầu để chống lại sự gia tăng của ngành công nghiệp đá phiến Mỹ. ■

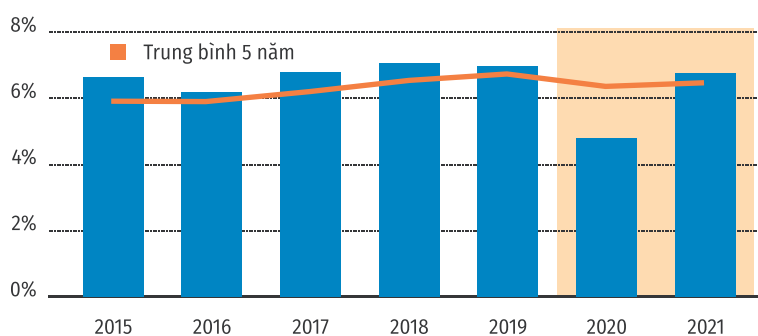


II. KINH TẾ VIỆT NAM

Theo nhận định của các tổ chức quốc tế, mặc dù tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn bị ảnh hưởng tiêu cực, tuy nhiên, so với nhiều quốc gia, bức tranh nền kinh tế Việt Nam vẫn được đánh giá tương đối khả quan và có nhiều điểm sáng hơn.

Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) ngày 3/4 đã công bố báo cáo “*Triển vọng phát triển châu Á-ADO 2020*” cho biết, tăng trưởng kinh tế Việt Nam dự tính giảm mạnh trong năm 2020 xuống **mức 4,8%**. Tuy nhiên, theo đánh giá của chuyên gia ADB, cho dù các hoạt động kinh tế suy giảm và các rủi ro do dịch COVID-19 vẫn còn, kinh tế Việt Nam vẫn có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất khu vực châu Á.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA VIỆT NAM TỚI NĂM 2021



Nguồn: Asian Development Outlook database.

Theo phân tích của các chuyên gia ADB, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm xuống mức 3,8% trong quý I so với mức 6,8% cùng kỳ năm 2019. Việc hạn chế đi lại nhằm ngăn chặn lây lan virus dẫn đến tiêu dùng nội địa chậm lại. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo duy trì được sản xuất cho dù có những khó khăn trong thời gian đầu, chủ yếu dựa vào nguyên vật tồn kho, tuy nhiên nguồn này cũng đang giảm dần.

Bên cạnh đó, sản xuất nông nghiệp bị đình trệ, do cầu tiêu thụ nông sản xuất khẩu giảm và ảnh hưởng nghiêm trọng của xâm nhập mặn vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tăng trưởng của khu vực dịch vụ - khu vực bị tác động nhiều nhất của đại dịch, giảm xuống chỉ còn 3,2% trong quý I so với mức 6,5% cùng kỳ năm trước.

Lạm phát trong tháng 3 giảm 0,7% so với tháng 2, song lạm phát bình quân trong quý I đã tăng lên 5,6%, mức cao nhất của cùng kỳ trong suốt giai đoạn 2016-2020, chủ yếu là do giá dịch vụ y tế và giá thịt lợn đều tăng; trong đó giá thịt lợn tăng kéo theo việc tăng giá của các loại thịt thay thế. Trong cả năm 2020, lạm phát bình quân dự kiến sẽ ở mức 3,3% và tiếp tục tăng lên 3,5% vào năm 2021.

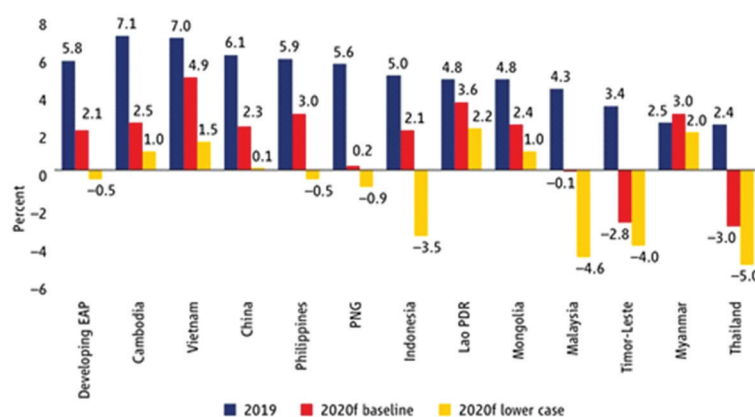
Tuy nhiên, các chuyên gia ADB cũng cho rằng nền tảng của kinh tế Việt Nam vẫn được duy trì nếu đại dịch được khống chế trong nửa đầu năm 2020, nền kinh tế sẽ phục hồi trở

lại với mức tăng trưởng 6,8% trong năm 2021- theo như dự báo của ADB trước khi xảy ra COVID-19 - và nền kinh tế sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong trung và dài hạn.

Ngân hàng Thế giới (WB) mới đây cũng vừa hạ mức dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2020 từ 6,5% trước đó xuống còn 4,9% trong bối cảnh nền kinh tế bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid-19.

Báo cáo của Ngân hàng Thế giới nhận định, dù bị ảnh hưởng bởi đại dịch do coronavirus cùng những xáo trộn bên ngoài như hiện nay, đặc biệt là thị trường tài chính toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam vẫn tạm thời đứng vững trước các cú sốc bên ngoài trong những tháng đầu năm 2020. Nhìn chung, triển vọng trung hạn thuận lợi nhưng **tăng trưởng GDP sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực trong ngắn hạn** do dịch bệnh Covid-19, nay đã trở thành đại dịch toàn cầu. Ở kịch bản xấu hơn nữa, WB nhận định tăng trưởng của Việt Nam trong năm nay có thể xuống mức 1,5 điểm phần trăm.

DỰ BÁO CÁC KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA THEO VÙNG



Nguồn: Ngân hàng Thế giới (WB)

Theo đó, du lịch, chế tạo và chế biến là những ngành chịu tác động tiêu cực nhất của đại dịch Covid-19 do các chuỗi cung ứng bị gián đoạn. Theo WB, áp lực lạm phát dự báo sẽ tăng lên tạm thời, phản ánh bất định về giá lương thực, thực phẩm và nhiên liệu cũng như khả năng bị gián đoạn thương mại.

Ngân hàng Thế giới cũng đồng thời dự đoán, vị thế kinh tế đối ngoại của Việt Nam sẽ xấu đi trong năm 2020 chủ yếu do suy giảm về xuất khẩu, dịch vụ, du lịch và dòng vốn nước ngoài đổ vào ít hơn. Đồng thời, tăng chi ngân sách của Chính phủ cũng sẽ tạm thời tăng lên trong năm 2020 này do thu ngân sách thấp hơn và do triển khai gói kích cầu tài khóa nhằm vào việc bù đắp phần nào tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 toàn cầu đối với nền kinh tế Việt Nam.

Theo các chuyên gia của Ngân hàng Thế giới, trong trung hạn, tăng trưởng của Việt Nam năm 2021 có thể quay lên đến 7,5% trong năm 2021 và dao động quanh mức khoảng 6,5% năm 2022 nhờ sức cầu bên ngoài được cải thiện và các ngành dịch vụ được củng cố, sản xuất nông nghiệp, công nghiệp dần được khôi phục.

DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH COVID-19 ĐẾN MỘT SỐ LĨNH VỰC

TT	Lĩnh vực	Kịch bản kéo dài đến hết tháng 4/2020	Kịch bản kéo dài đến hết tháng 6/2020
1	Thương mại hàng hóa	Suy giảm 20 - 30%	Suy giảm 30 - 40%
	Xuất nhập khẩu	Suy giảm 5-8%	Suy giảm 25%
	Thương mại nội địa	Suy giảm 15%; trong đó thương mại truyền thống giảm 20%, thương mại điện tử tăng 10%	Suy giảm 30%
2	Thương mại dịch vụ	Chuyển hóa mạnh, tăng dịch vụ y tế, dịch vụ thiết yếu trên 25%, giảm dịch vụ phụ trợ 20-35%	Tăng dịch vụ y tế, dịch vụ thiết yếu trên 25-40%, giảm dịch vụ phụ trợ 20-40%
	Dịch vụ vận tải, logistics	Suy giảm 20%	Suy giảm 20 - 30%
	Dịch vụ y tế	Tăng 25%, các địa phương vẫn đủ nguồn lực đáp ứng nhu cầu	Tăng 25-60%, thiếu cục bộ ở các vùng dịch và phải điều động giữa các vùng, miền
	Dịch vụ giáo dục	Suy giảm 35%, chuyển đổi học quan mạng	Suy giảm 35-60%, tảo cơ cấu lao động ngành
3	Du lịch, khách sạn	Suy giảm 15-20% khách nội địa và khách quốc tế, doanh thu giảm 20%, việc làm giảm 15-20%	Suy giảm 30-40% khách nội địa và khách quốc tế, doanh thu giảm 40%, việc làm giảm 30-40%
4	Nông nghiệp	Suy giảm từ 2,8-27,4% tùy từng mặt hàng	Giảm mức trung bình cao
5	Bất động sản	Suy giảm mạnh cho thuê, nghỉ dưỡng	Suy giảm nguồn cung do thiếu nguyên vật liệu, tài chính...

Nguồn: Nhóm nghiên cứu ĐHKQTQ

II.1. Tình hình kinh tế trong nước

GDP quý I tăng rất thấp (3.82%), chỉ nhỉnh hơn so với quý thấp nhất của giai đoạn khủng hoảng tài chính là quý I/2009 (3.1%). Tuy vậy, khác với quý I/2009, xu hướng giảm tốc của quý I/2020 đến từ cả 3 cấu thành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ (năm 2009, dịch vụ vẫn còn tăng tương đối cao). Điều đáng lo ngại là tăng trưởng được dự báo sẽ còn thấp hơn nữa trong quý II/2020, xuất phát từ sự suy giảm của cả tổng cung và tổng cầu.

Tổng cung:

- Ngành công nghiệp chế biến chế tạo - ngành có tỷ trọng lớn nhất trong GDP (19%) sẽ không còn bệ đỡ của công nghiệp điện tử. Trong quý I, ngành điện tử (+14.3%) là ngành hiếm hoi được hưởng lợi do các nhà máy ở Trung Quốc phải đóng cửa. Tuy vậy khi các hoạt động sản xuất tại Trung Quốc được nối lại, sản lượng điện tử tại Việt nam rất có thể sẽ giảm. Yếu tố mạnh hơn kéo giảm ngành điện tử cũng như toàn ngành công nghiệp chế biến chế tạo là nhu cầu.

- Ngành có tỷ trọng lớn thứ 2 là nông nghiệp (10%) cũng sẽ rất khó khăn. Diện tích lúa Đông Xuân vụ 2020 cả nước đã giảm -3%. Xuất khẩu nông thủy sản quý I (gồm thủy sản, rau quả, gạo, hạt tiêu, chè, cà phê, hạt điều, sắn) đã giảm -48%, từ 9.5 tỷ USD xuống còn 4.9 tỷ USD. Tình trạng xâm nhập mặn và giảm cầu chắc chắn sẽ kéo dài và vì vậy tăng trưởng của quý II khả năng cao sẽ tiếp tục âm.

- Chỉ số bán lẻ trong tháng 3 đã giảm xuống 1.6% từ mức 7.2% của tháng 1. Với việc siết chặt nhiều hoạt động kinh doanh để ngăn chặn dịch bệnh, chỉ số bán lẻ chắc chắn sẽ giảm âm trong một vài tháng của quý 2, từ đó kéo giảm GDP Bán buôn bán lẻ, ngành có tỷ trọng lớn thứ 3 trong GDP (chiếm 9.8%). Trong quý 1, ngành này tăng +5.69%, mức thấp nhất 6 năm.

- GDP Xây dựng, ngành lớn thứ 4, chỉ tăng +4.37%, thấp hơn cả thời gian xảy ra khủng hoảng tài chính 2009. Nguyên nhân là do tăng trưởng chậm của vốn đầu tư toàn xã hội và thị trường bất động sản. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội quý 1 chỉ tăng +2.2% (cùng kỳ tăng +8.8%). Thị trường bất động sản đang chịu sức ép ở cả phía cung (các thủ tục cấp phép kéo dài khiến số dự án mới giảm mạnh) và phía cầu (kinh tế giảm tốc, cách ly diện rộng dẫn đến giảm giao dịch).

- Một số ngành như Tài chính - ngân hàng - bảo hiểm (ngành lớn thứ 5), Giáo dục đào tạo hay Nghệ thuật giải trí nhiều khả năng không duy trì được đà tăng trưởng như quý 1 khi các hoạt động kinh tế chậm lại và việc cách ly, hạn chế tập trung đông người được áp dụng rộng rãi. Tuy vậy, khác với giai đoạn 2013-2014 khi ưu tiên ổn định vĩ mô dẫn đến thắt chặt chính sách tài khóa và tiền tệ, năm nay cả tài khóa lẫn tiền tệ đều phải tích cực hỗ trợ thúc đẩy nền kinh tế. Dịch vụ ngân hàng, bảo hiểm vì vậy được kỳ vọng vẫn sẽ có tăng trưởng tương đối cao.

- Khai khoáng, ngành lớn thứ 6, sẽ rất khó khăn vì giá dầu. Sản lượng khai thác dầu thô tháng 3 giảm -16% và tính chung quý 1 giảm -11%. Với giá dầu giảm nhanh về chỉ còn 1/3 trung bình năm 2019, việc khai thác dầu tại Việt Nam sẽ khó có lãi và tránh được việc tiếp tục giảm sản lượng.

Tổng cầu:

- Giải ngân đầu tư công được kỳ vọng sẽ tạo ra cú huých cho tăng trưởng nhưng vì diễn biến dịch bệnh quá khắc nghiệt, các hoạt động đầu tư khác bị ngưng trệ dẫn đến một mình đầu tư công đã không thể cứu vãn được tình hình. Tăng trưởng vốn đầu tư FDI giảm -5.4% và vốn tư nhân chỉ tăng 4.2% trong khi 2 nguồn vốn này chiếm tới 69% tổng vốn đầu tư. Việc giảm giải ngân FDI là một tín hiệu rất đáng lưu tâm bởi vốn FDI đăng ký mới và tăng vốn quý 1 vẫn tăng 29%. Chỉ riêng có vốn góp và mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài là giảm mạnh -65% do xu hướng dịch chuyển sang các tài sản an toàn trên phạm vi toàn cầu.

- Nhập siêu dịch vụ tăng lên 930 tỷ USD, gần gấp 3 lần so với cùng kỳ do nhập khẩu dịch vụ (bao gồm chi cho du lịch quốc tế và dịch vụ vận tải) giảm chậm hơn nhiều so với xuất khẩu.

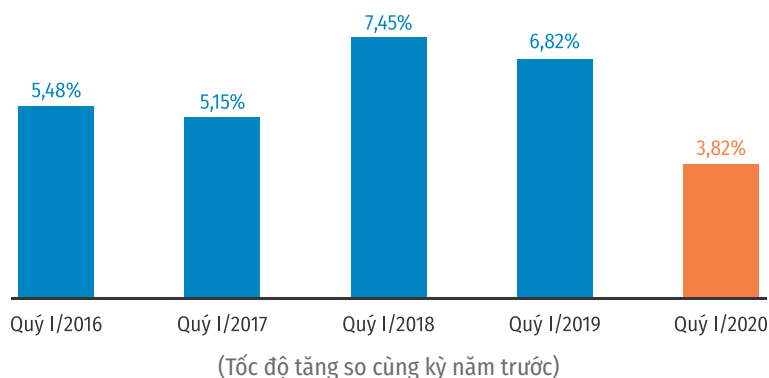
- Xuất siêu hàng hóa quý I là 2.8 tỷ USD, tăng mạnh +68%. Năm 2012, Việt nam xuất siêu do thắt chặt tài khóa và tiền tệ, dẫn đến sụt giảm nhu cầu trong nước. Năm 2020 nhu cầu cũng giảm mạnh do dịch bệnh nên nhập khẩu hàng hóa giảm -1.9%, trong đó nhập khẩu hàng tiêu dùng giảm -10.6%. Tiêu dùng sẽ còn giảm rất mạnh không chỉ do tình trạng

cách ly mà còn vì hai lý do đáng lo ngại hơn là suy giảm thu nhập và niềm tin người tiêu dùng. Xuất khẩu quý I tăng +0.5%, nhiều khả năng sẽ giảm âm trong quý II.

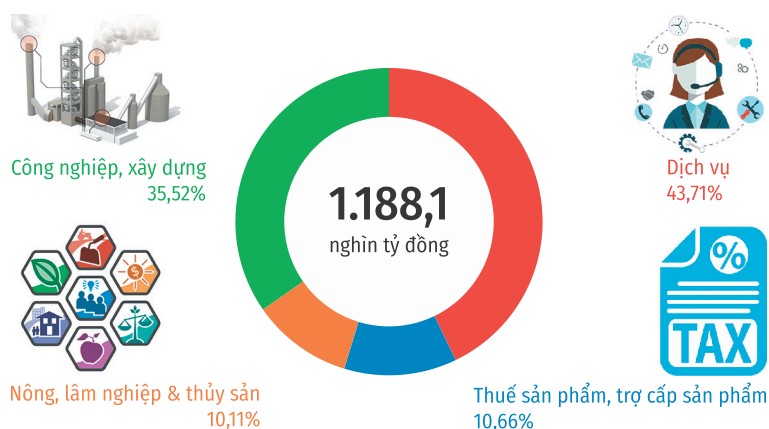
II.1.1. Tình hình sản xuất

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2020 ước tính tăng 3,82% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 10 năm 2011-2020 với sự sụt giảm tăng trưởng ở cả ba khu vực. Tuy nhiên, đặt trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, những nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Cộng đồng chung Châu Âu (EU) đang chứng kiến sự suy giảm... cho thấy Việt Nam vẫn có tín hiệu tăng trưởng tích cực hơn.

TỐC ĐỘ TĂNG GDP QUÝ I CÁC NĂM GIAI ĐOẠN 2016 - 2020



CƠ CẤU NỀN KINH TẾ QUÝ I NĂM 2020



II.1.2. Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản quý I/2020 gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi; hạn hán, xâm nhập mặn tại vùng Đồng bằng Sông Cửu Long; dịch cúm gia cầm có nguy cơ bùng phát và dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực tới hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu sản phẩm nông sản.

SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN QUÝ I/2020



2.998,7 nghìn ha ↓ 3%
Diện tích gieo cấy lúa đông xuân
(tính đến 15/3/2020)



68,6 tạ/ha ↑ 0,8 tạ/ha
 Năng suất thu hoạch lúa đông xuân
 vùng đồng bằng sông Cửu Long



2.881 nghìn m³ ↑ 5%
 Sản lượng gỗ khai thác



1.503,1 nghìn tấn ↑ 2%
 Sản lượng thủy sản

Nếu dịch Covid-19 kết thúc trong quý II, ước tính tăng trưởng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản khoảng 2,69% (mục tiêu tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ là 2,92%). Trường hợp dịch kéo dài đến hết quý III, tăng trưởng ngành nông, lâm và thủy sản khoảng 2,64% (giảm 0,28 điểm % so với Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ).

11.1.3. Sản xuất công nghiệp

Ngành công nghiệp quý I/2020 chịu ảnh hưởng từ dịch Covid-19 nên đạt mức tăng trưởng thấp 5,28% so với cùng kỳ năm trước; trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo có mức tăng thấp nhất giai đoạn 2016-2020; sản xuất và phân phối điện tăng trưởng ổn định; ngành khai khoáng giảm sâu chủ yếu do khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm mạnh.

TỐC ĐỘ TĂNG GIÁ TRỊ TĂNG THÊM NGÀNH CÔNG NGHIỆP QUÝ I/2020



-3,18
 Khai khoáng



7,46
 Sản xuất & phân phối điện



5,28
 Toàn ngành



7,12
 Chế biến, chế tạo

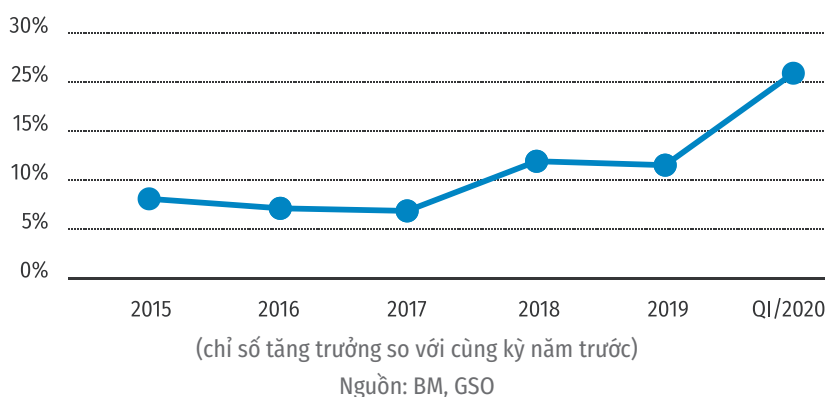


6,67
 Cung cấp nước & xử lý rác thải, nước thải

Đơn vị tính: %

Các lĩnh vực chứng kiến mức tăng chỉ số tồn kho mạnh nhất gồm có sản xuất xe có động cơ, tăng 122,5%; sản xuất kim loại, than cốc và dầu mỏ tinh chế tăng 45-50%; sản phẩm dệt tăng 36%; trang phục, đồ uống và chế biến thực phẩm tăng 20-30%.

CHỈ SỐ TĂNG TRƯỞNG TỒN KHO CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN



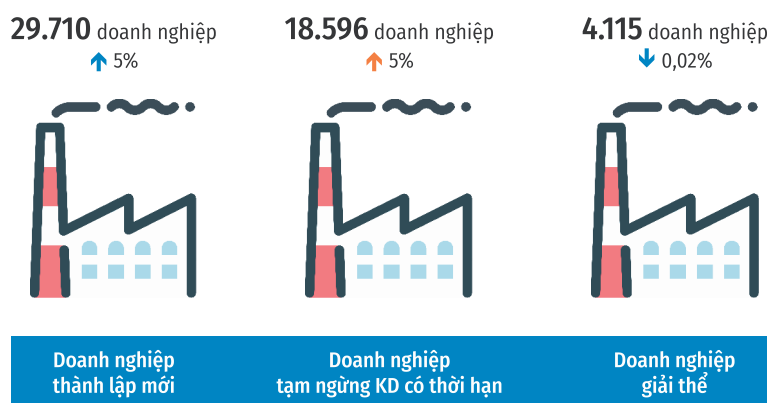
Nếu dịch bệnh xảy ra nghiêm trọng, kéo dài tại các thị trường xuất khẩu sản phẩm chủ yếu của Việt Nam như Châu Âu, Mỹ thì Việt Nam cùng lúc đối mặt với “khó khăn kép” về nguyên liệu đầu vào cho sản xuất và thị trường xuất khẩu, tiêu thụ hàng hóa, nhất là hàng điện tử, điện thoại, may mặc, da giày.

Trường hợp dịch Covid-19 kết thúc trong quý II, ước tính tăng trưởng ngành công nghiệp cả năm khoảng 7,12% (giảm 1,39 điểm phần trăm so với mục tiêu tại Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ 9,53%). Nếu dịch kéo dài hết quý III, tăng trưởng ngành công nghiệp ước tính khoảng 6,71% (giảm 2,81 điểm phần trăm so với mục tiêu tại Nghị quyết 01/NQ-CP của Chính phủ).

II.1.4. Tình hình hoạt động doanh nghiệp

Trong quý I, cả nước có 29.710 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 351.400 tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 243.700 lao động. Như vậy, so với cùng kỳ năm trước, số doanh nghiệp đăng ký thành lập tăng 4,4% về số lượng, giảm 6,2% về vốn đăng ký và giảm 23,3% về số lao động. Vốn đăng ký bình quân của một doanh nghiệp thành lập mới trong quý I/2020 đạt 11,8 tỷ đồng, giảm 10,4% so với cùng kỳ năm trước.

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUÝ I/2020



Theo kết quả khảo sát nhanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình doanh nghiệp bị tác động bởi Covid-19:

Doanh thu của các doanh nghiệp năm 2020 sụt giảm mạnh: trên 50% doanh nghiệp được khảo sát ước tính doanh thu giảm ít nhất 40% so với năm 2019; gần 47% doanh nghiệp doanh thu giảm ít nhất 50% so với năm 2019.

Gánh nặng chi phí ngày càng tăng: 93% doanh nghiệp được khảo sát cho biết lương chi trả cho người lao động có ảnh hưởng lớn nhất; sau đó lần lượt là chi phí thuê mặt bằng (72%) và chi phí về nguyên vật liệu tăng (39%).

Cắt giảm nhân sự trong năm 2020: 53% doanh nghiệp được khảo sát ước tính giảm ít nhất 20% số lao động, 27% doanh nghiệp dự kiến giảm trên 40% số lao động.

Có 65,3% doanh nghiệp giảm nguồn cung nguyên liệu đầu vào, trong đó: 12,7% doanh nghiệp đánh giảm giảm trên 50%; 83,3% doanh nghiệp bị giảm số lượng đơn hàng (18,7% doanh nghiệp bị giảm trên 50% đơn hàng).

II.2. Chỉ số tiêu dùng CPI và lạm phát cơ bản

Ảnh hưởng của dịch Covid-19, giá xăng dầu thế giới giảm mạnh và nguồn cung gia cầm dồi dào là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2020 giảm 0,72% so với tháng trước, đây là chỉ số CPI thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020. Tuy nhiên, chỉ số giá tiêu dùng tháng 3 và bình quân quý I/2020 so với cùng kỳ năm trước đều ở mức cao nhất trong giai đoạn 2016-2020.

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 3 VÀ QUÝ I/2020



Trong mức giảm 0,72% của chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2020 so với tháng trước có 7/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm, trong đó nhóm giao thông giảm nhiều nhất. CPI bình quân quý I/2020 tăng 5,56% so với bình quân cùng kỳ năm 2019; CPI tháng 3/2020 tăng 0,34% so với tháng 12/2019 và tăng 4,87% so với cùng kỳ năm 2019. Lạm phát cơ bản bình quân quý I/2020 tăng 3,05% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

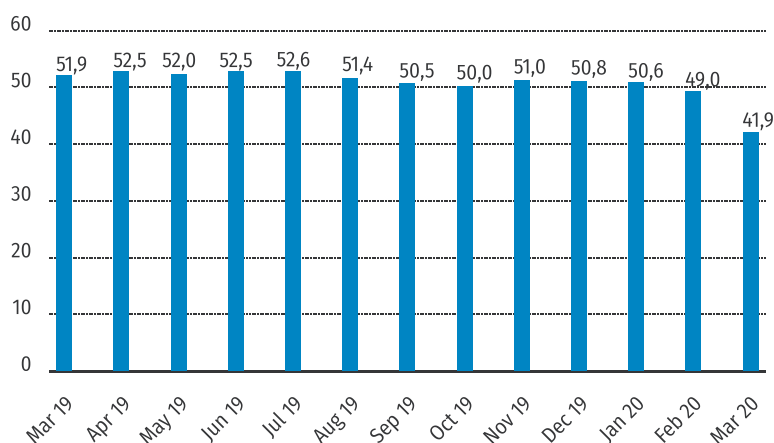
LẠM PHÁT CƠ BẢN

Tháng 3/2020 so tháng 2/2020	Tháng 3/2020 so tháng 3/2019	Quý I/2020 so quý I/2019
↓ 0,06%	↑ 2,95%	↑ 3,05%

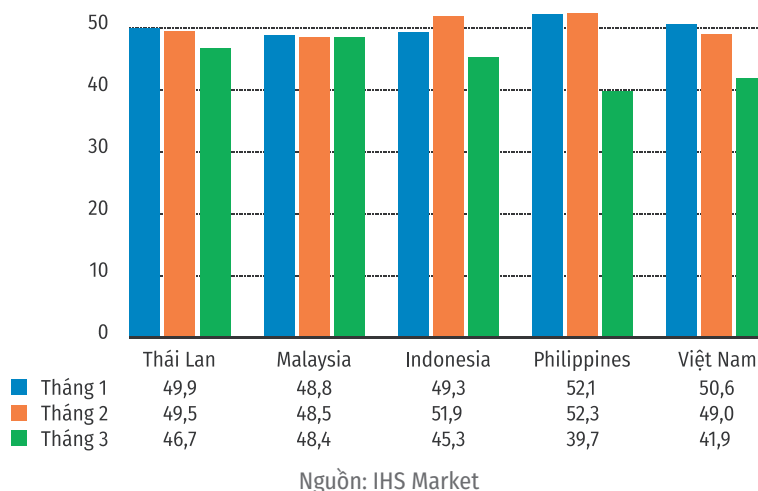
Trong thời gian tới, giá xăng dầu giảm sâu xuống mức thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây cùng với việc loạt doanh nghiệp chăn nuôi lợn lớn cũng cam kết giảm giá lợn hơi xuống 70.000 đồng/kg từ ngày 1/4/2020 được hy vọng sẽ là các động thái tác động tích cực tới chỉ số giá tiêu dùng (CPI), giảm lạm phát đồng thời từng bước tác động tích cực tới tăng trưởng của cả nền kinh tế.

Ngoài ra, ở một diễn biến khác, chỉ số PMI sản xuất của Việt Nam đã giảm mạnh xuống còn 41,9 vào tháng 3 năm 2020 so với 49,0 trong một tháng trước đó, cho thấy sự co rút mạnh nhất của ngành, trong bối cảnh ảnh hưởng tiêu cực mạnh mẽ của đại dịch coronavirus. Đầu ra, đơn đặt hàng mới và việc làm đều giảm ở tốc độ kỷ lục. Các công ty cũng thu nhỏ lại hoạt động mua và nắm giữ hàng tồn kho, trong khi sự gián đoạn nghiêm trọng đối với chuỗi cung ứng đã được báo cáo do sự chậm trễ từ các nhà cung cấp Trung Quốc. Dữ liệu giá cho thấy chi phí đầu vào tăng ít nhất trong bốn tháng, trong khi giá đầu ra giảm mạnh và đến mức lớn nhất kể từ tháng 7 năm 2012. Bên cạnh đó, tâm lý cũng giảm xuống mức thấp nhất kể từ tháng 4 năm 2012.

CHỈ SỐ PMI VIỆT NAM TỪ THÁNG 3/2019 ĐẾN 3/2020



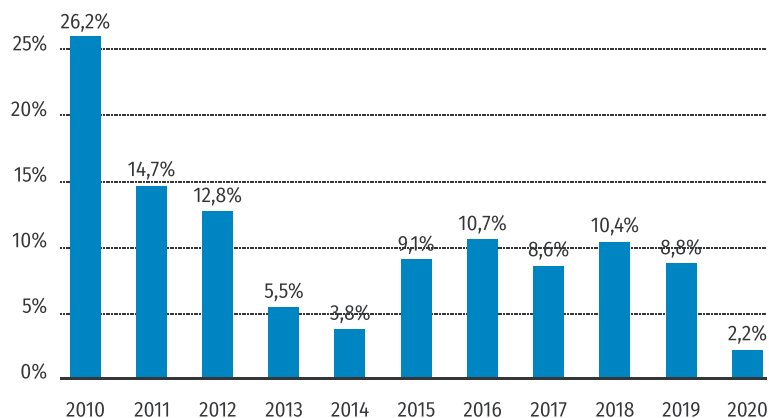
CHỈ SỐ PMI NGÀNH SẢN XUẤT 3 THÁNG ĐẦU NĂM CỦA VIỆT NAM
VÀ MỘT SỐ QUỐC GIA TRONG KHU VỰC



II.3. Đầu tư

II.3.1. Đầu tư toàn xã hội

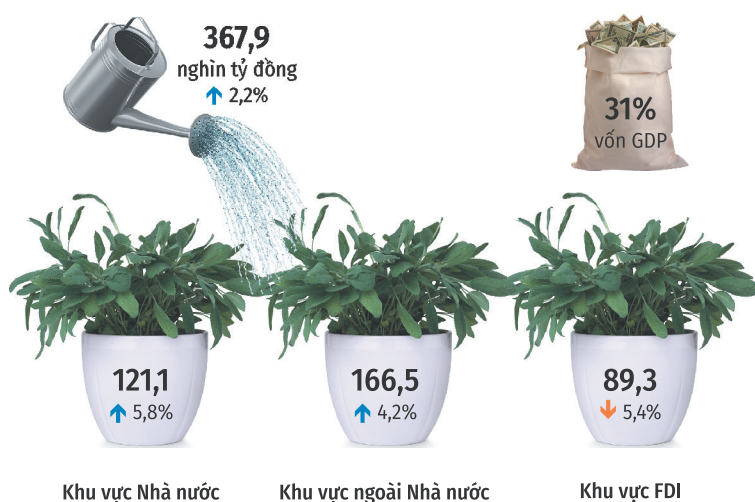
TỐC ĐỘ TĂNG VỐN ĐẦU TƯ XÃ HỘI QUÝ I TỪ 2010-2020



Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện quý I/2020 tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2019, mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020 do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 đến tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh.

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện quý I/2020 theo giá hiện hành ước tính đạt 367,9 nghìn tỷ đồng, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm trước và bằng 31% GDP, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 112,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 30,5% tổng vốn và tăng 5,8%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 166,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 45,2% và tăng 4,2%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 89,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 24,3% và giảm 5,4%.

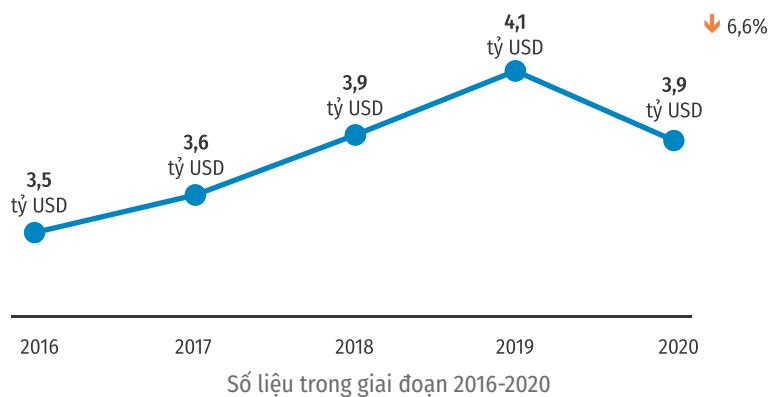
VỐN ĐẦU TƯ TOÀN XÃ HỘI THỰC HIỆN QUÝ I/2020



II.3.2. Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh, các nhà đầu tư mới đã dừng tìm kiếm cơ hội đầu tư, nhất là đầu tư FDI, ảnh hưởng tới thu hút đầu tư trong thời gian tới.

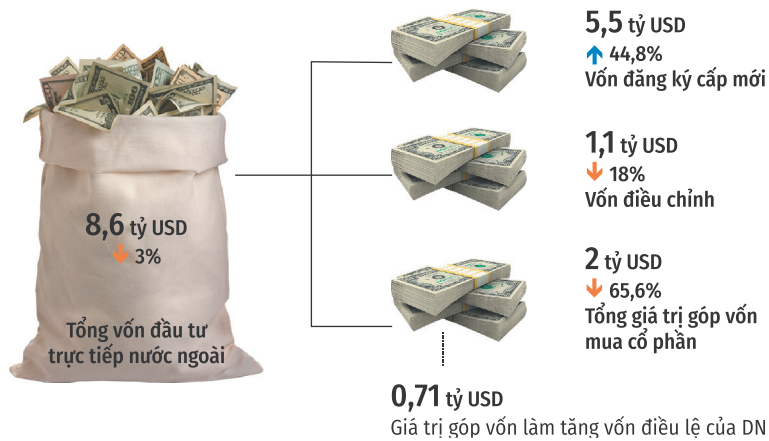
VỐN FDI THỰC HIỆN LẦN ĐẦU TIÊN GIẢM SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC



Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/3/2020 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 8,6 tỷ USD, giảm 20,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó có 758 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 5,5 tỷ USD, giảm 3,4% về số dự án và tăng 44,8% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; có 236 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 1,1 tỷ USD, giảm 18%; có 2.523 lượt góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn gần 2 tỷ USD, giảm 65,6%. Trong tổng số lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 455 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị góp vốn là 0,71 tỷ USD và 2.068 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 1,25 tỷ USD.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện quý I/2020 ước tính đạt 3,9 tỷ USD, giảm 6,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 2,8 tỷ USD, chiếm 73,7% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 405,4 triệu USD, chiếm 10,5%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 337,7 triệu USD, chiếm 8,8%.

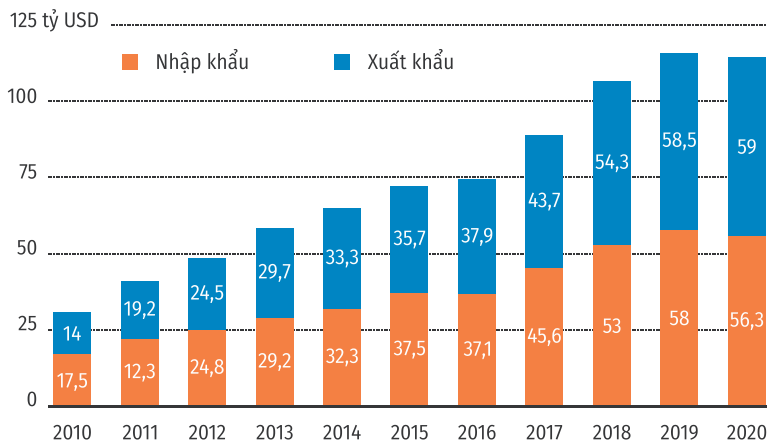
ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (TÍNH ĐẾN 20/3/2020)



II.4. Xuất nhập khẩu

Dịch Covid-19 lây lan mạnh ở các nước đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, EU và Hoa Kỳ đã ảnh hưởng không nhỏ đến kim ngạch xuất, nhập khẩu của nhiều mặt hàng. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu tháng ba ước tính đạt 39 tỷ USD, giảm 11,1% so với cùng kỳ năm trước, xuất siêu 1 tỷ USD. Tính chung quý I, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 115,34 tỷ USD, giảm 0,7%, trong đó xuất khẩu đạt 59,08 tỷ USD, tăng 0,5%; nhập khẩu đạt 56,26 tỷ USD, giảm 1,9%. Xuất siêu quý I năm nay đạt 2,8 tỷ USD.

KIM NGẠCH XUẤT NHẬP KHẨU QUÝ I TỪ 2010-2020



II.4.1. Xuất khẩu

Về kim ngạch: Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 3/2020 ước tính đạt 20 tỷ USD, giảm 4,1% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 6,16 tỷ USD, giảm 1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 13,84 tỷ USD, giảm 5,4%. Hầu hết các mặt hàng xuất khẩu trong tháng Ba có kim ngạch giảm so với tháng trước.

Tính chung quý I/2020, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 59,08 tỷ USD, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 18,65 tỷ USD, tăng 8,7%, chiếm 31,6% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 40,43 tỷ USD, giảm 2,9%, chiếm 68,4%.

Về mặt hàng: Quý I có 8 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 70,6% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó điện thoại và linh kiện có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất, đạt 12,4 tỷ USD, chiếm 20,9%, tăng 2% so với cùng kỳ năm trước; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 8,2 tỷ USD, tăng 16,2%; hàng dệt may đạt 6,5 tỷ USD, giảm 8,9%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 4,7 tỷ USD, tăng 17,7%; giày dép đạt 3,9 tỷ USD, giảm 1,9%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 2,5 tỷ USD, tăng 9,5%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 2 tỷ USD, giảm 5,5%; thủy sản đạt 1,6 tỷ USD, giảm 11,2%. Nhìn chung, tỷ trọng xuất khẩu của một số mặt hàng chủ lực vẫn thuộc về khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng nông sản chủ lực quý I năm nay giảm.

Về cơ cấu nhóm hàng: Quý I/2020, nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản ước tính đạt 32 tỷ USD, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước; chiếm 54,2% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu (tăng 1 điểm % so với cùng kỳ năm trước). Nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp ước tính đạt 20,8 tỷ USD, giảm 0,2% và chiếm 35,3% (giảm 0,2 điểm %). Nhóm hàng nông, lâm sản đạt 4,6 tỷ USD, giảm 4,5% và chiếm 7,8% (giảm 0,4 điểm phần trăm). Nhóm hàng thủy sản đạt 1,6 tỷ USD, giảm 11,2% và chiếm 2,7% (giảm 0,4 điểm %).

Về thị trường: Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 15,5 tỷ USD, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp đến là Trung Quốc đạt 8,4 tỷ USD, tăng 11,5% (do mặt hàng điện thoại và linh kiện tăng 187,5%). Thị trường EU đạt 7,5 tỷ USD, giảm 14,9%. Thị trường ASEAN đạt 6 tỷ USD, giảm 5,2%. Nhật Bản đạt 4,8 tỷ USD, tăng 3,5%. Hàn Quốc đạt 4,5 tỷ USD, giảm 2,7%.

II.4.2. Nhập khẩu

Về kim ngạch: Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng Ba ước tính đạt 19 tỷ USD, tăng 2,3% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 7,7 tỷ USD, tăng 4,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 11,3 tỷ USD, tăng 1%.

Tính chung quý I/2020, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 56,26 tỷ USD, giảm 1,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 23,08 tỷ USD, giảm 3,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 33,18 tỷ USD, giảm 0,8%.

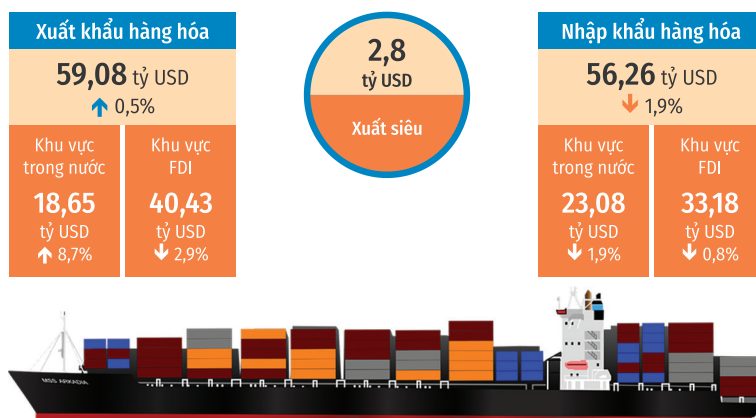
Về mặt hàng: Trong quý I có 14 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 72,9% tổng kim ngạch nhập khẩu, trong đó: Điện tử, máy tính và linh kiện đạt 13,2 tỷ

USD (chiếm 23,4% tổng kim ngạch nhập khẩu), tăng 11,8% so với cùng kỳ năm trước; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 7,8 tỷ USD, giảm 8,6%; điện thoại và linh kiện đạt 3,2 tỷ USD, tăng 14,1%; vải đạt 2,4 tỷ USD, giảm 17,7%; chất dẻo đạt 2 tỷ USD, giảm 6,1%; sắt thép đạt 1,9 tỷ USD, giảm 16%; sản phẩm chất dẻo đạt 1,6 tỷ USD, tăng 8,1%; dầu thô đạt 1,5 tỷ USD; tăng 67,9%; ô tô đạt 1,4 tỷ USD, giảm 24,4%; kim loại thường đạt 1,4 tỷ USD; giảm 7,9%; sản phẩm hóa chất đạt 1,3 tỷ USD, tăng 11,7%; hóa chất đạt 1,2 tỷ USD, giảm 0,9%; nguyên phụ liệu dệt, may, giày dép đạt 1,1 tỷ USD, giảm 14,5%; xăng dầu đạt 1,02 tỷ USD, giảm 17,6%.

Về cơ cấu nhóm hàng: Quý I, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước tính đạt 52,6 tỷ USD, giảm 1,2% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 93,5% tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu (tăng 0,6 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước), trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 26,4 tỷ USD, tăng 3,9% và chiếm 46,9% (tăng 2,6 điểm phần trăm); nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu đạt 26,2 tỷ USD, giảm 5,9% và chiếm 46,6% (giảm 2 điểm phần trăm). Nhóm hàng tiêu dùng ước tính đạt 3,66 tỷ USD, giảm 10,6% và chiếm 6,5% (giảm 0,6 điểm phần trăm).

Về thị trường: Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 13,3 tỷ USD, giảm 18% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp theo là thị trường Hàn Quốc đạt 11,7 tỷ USD, tăng 2,4%. Thị trường ASEAN đạt 7,2 tỷ USD, giảm 8,3%. Nhật Bản đạt 4,9 tỷ USD, tăng 15,8%. Thị trường EU đạt 3,4 tỷ USD, tăng 5,2%. Hoa Kỳ đạt 3,4 tỷ USD, tăng 13%.

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA QUÝ I/2020



Về cơ bản, tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt mức thấp so với cùng kỳ, mức độ ảnh hưởng phụ thuộc vào thời gian kéo dài của Covid-19.

Trường hợp dịch kết thúc trong quý II, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính năm 2020 tăng 3,5% so với năm 2019. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính năm 2020 tăng 5,3% so với năm 2019.

Trường hợp dịch kết thúc trong quý III, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính tăng 3,2% so với năm 2019. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tăng 3,3% so với năm 2019.

II.5. Tài chính

II.5.1. Chứng khoán

Từ đầu năm 2020 đến nay, chỉ số chứng khoán lớn nhất thị trường trong nước VN-Index đã giảm xấp xỉ 300 điểm, tương đương trên 31%. Trong đó, đà giảm chủ yếu đến trong tháng 3, với gần 28,6% giá trị thị trường.

BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ VN-INDEX TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN NAY



Nguồn: VN Direct

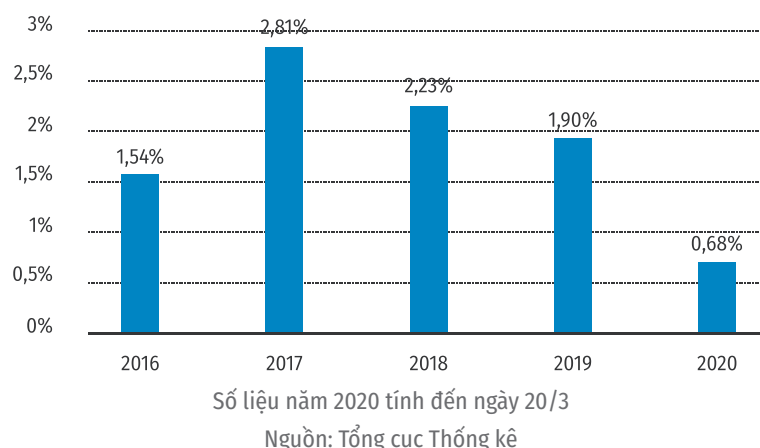
Tính riêng trong tháng 3, VN-Index chứng kiến 2 lần lao dốc kỷ lục. Theo đó, ngày 9/3, các chỉ số cơ sở đồng loạt giảm sâu khi nhà đầu tư hoảng loạn bán tháo giữa những tin tức đáng ngại về dịch COVID-19 và cuộc chiến giá dầu Nga - Arab Saudi. Kết phiên, VN-Index giảm 55,95 điểm (-6,28%) xuống 835,49 điểm, HNX-Index giảm 7,32 điểm (-6,44%) xuống 106,34 điểm và UPCoM-Index giảm 2,98 điểm (-5,38%) còn 52,44 điểm. Đây là phiên giảm mạnh nhất (tính theo tỉ lệ %) của VN-Index trong lịch sử thị trường chứng khoán Việt Nam và thị trường chìm sâu trong sắc đỏ suốt phiên giao dịch.

Ngày 23/3, chỉ số VN-Index trên sàn TP.HCM cũng chứng kiến phiên giảm điểm mạnh thứ 2 trong 19 năm gần nhất, chỉ sau phiên 9/3 trước đó, khi mất tới 6,08% giá trị chỉ trong một ngày, đóng cửa ở mức 666.59 điểm - thấp nhất kể từ tháng 12/2016.

II.5.2. Tăng trưởng tín dụng

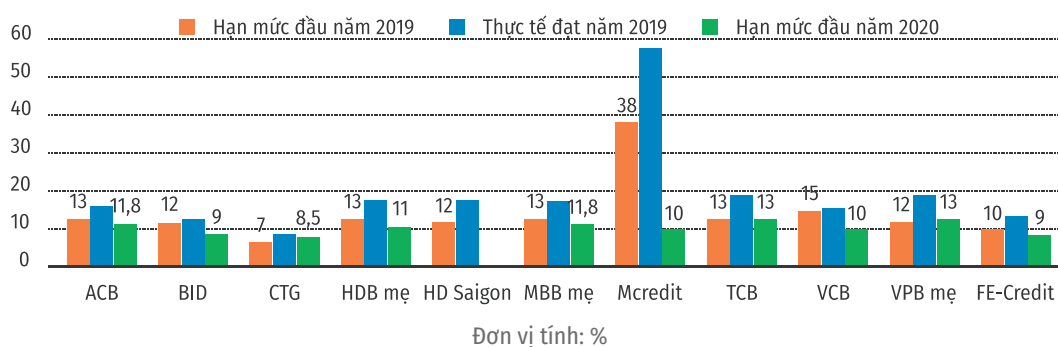
Tổng cục Thống kê cho biết, tính đến thời điểm 20/3/2020, tổng phương tiện thanh toán tăng 1,55% so với cuối năm 2019 (cùng kỳ năm trước tăng 2,54%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 0,51% (cùng kỳ năm 2019 tăng 1,72%). Trong khi đó, tín dụng của nền kinh tế tăng 0,68% (cùng kỳ năm trước tăng 1,9%) - mức tăng trưởng thấp nhất 5 năm kể từ năm 2016.

TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG CỦA NỀN KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020



Mặc dù các ngân hàng đã có nhiều ưu đãi về lãi suất, tuy nhiên, tăng trưởng tín dụng toàn ngành 3 tháng đầu năm vẫn ở mức khá thấp cho thấy cầu tín dụng yếu đi do các doanh nghiệp đang gặp nhiều khó khăn, phải thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, chiều 31/3, NHNN đã đã họp với các ngân hàng thương mại để củng cố thêm chính sách này cũng như tiếp tục khuyến khích các ngân hàng giảm lãi suất cho vay ở mức khoảng 2 điểm phần trăm đối với cả các khoản vay cũ và khoản vay mới, đồng thời, yêu cầu tiết giảm chi phí hoạt động và không chi trả cổ tức tiền mặt để dành nguồn lực triển khai hỗ trợ giảm lãi suất khi các chỉ thị của NHNN đang trở nên cấp bách hơn.

TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG (ĐƯỢC GIAO VÀ THỰC TẾ)
 TẠI MỘT SỐ NGÂN HÀNG NĂM 2019 VÀ 2020



II.5.3. Giá vàng

Dù lực mua không tăng, nhưng giá vàng trong nước vẫn bám sát giá vàng thế giới ở chiều tăng lên. Ngược lại, khi giá vàng thế giới lao dốc, giá vàng trong nước lại giảm rất chậm và chênh lệch giữa giá vàng trong nước - thế giới là tương đối lớn. Hiện tượng này xảy ra là do tại thời điểm này, vàng không còn được xem là kênh trú ẩn an toàn nữa và các nhà đầu tư có xu hướng chuyển sang giữ tiền mặt.

Ngoài ra, lý giải việc giá vàng trong nước cao bất thường, các chuyên gia cho rằng nguyên nhân do hiện nay nguồn cung không còn dồi dào vì từ lâu Việt Nam không còn nhập vàng. Bên cạnh đó giới kinh doanh cũng dự đoán khả năng giá vàng sẽ bật tăng khi các gói kích thích ngấm vào nền kinh tế nên ôm vàng chờ giá tăng trở lại.

DIỄN BIẾN GIÁ VÀNG SJC TRONG NƯỚC TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN NAY



Đơn vị tính: Nghìn đồng/lượng. Số liệu từ 30/12/2019 đến 30/3/2020

Nguồn: gold.phuquy.com.vn

II.5.4. Tỷ giá USD/VND tăng mạnh

Tỷ giá quy đổi USD/VND trong ngày 20/3 ghi nhận mức tăng mạnh. So với đầu năm, tỷ giá USD/VND tăng khoảng 1,3%, trong khi sức mạnh đồng bạc xanh so với 6 đồng tiền chủ chốt trên thế giới đã tăng hơn 7%, lên mức cao nhất 3 năm.

Theo đánh giá của chuyên gia, tỷ giá quy đổi USD tăng mạnh chủ yếu do ảnh hưởng từ đà tăng của loại tiền tệ này trên thế giới (chỉ số USD Index), trong khi đó, thanh khoản USD trong nước vẫn ổn định.

Có hai lý do khiến đồng USD thế giới tăng mạnh những ngày vừa qua:

- Không riêng Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) đưa ra các biện pháp kích cầu nền kinh tế như giảm lãi suất 0-0,25%, Chính phủ cam kết tung hàng nghìn tỷ USD ra thị trường, hầu hết quốc gia khác đều có chính sách hỗ trợ không thua kém Mỹ.

- Thời điểm này nhà đầu tư cũng không xem trái phiếu Chính phủ Mỹ, đồng Yên Nhật, hay vàng là nơi trú ẩn an toàn nữa mà đổ xô đi mua USD.

Đối với thị trường trong nước, một nguyên nhân nữa khiến tỷ giá tăng mạnh là do xuất khẩu của Việt Nam chịu ảnh hưởng của dịch bệnh khiến nguồn USD đầu vào chậm lại, tạo áp lực giảm giá đối với VND. Ngoài ra, câu chuyện giá vàng trong nước cao hơn giá vàng quốc tế đã làm đồng USD không ngừng tăng giá, dẫn đến nhu cầu USD tăng.

BIẾN ĐỘNG TỶ GIÁ USD/VND TỪ ĐẦU NĂM 2020



II.6. Biến động thị trường dầu khí trong nước và tác động đối với nền kinh tế

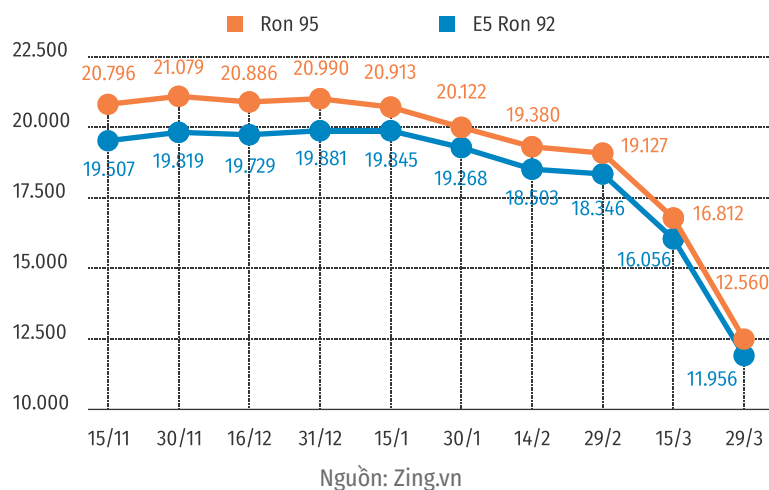
II.6.1. Tác động tích cực

Một là, giá dầu giảm làm giảm chi phí nhập khẩu xăng dầu, qua đó giúp giảm nhập siêu cũng như tiết kiệm cho Việt Nam một lượng ngoại tệ nhập khẩu xăng dầu, nhất là trong bối cảnh Việt Nam nhập siêu xăng, dầu từ năm 2015 đến nay.

Hai là, giá dầu giảm tác động tích cực đối với tiêu dùng của người dân và hoạt động của doanh nghiệp

Tổng cộng từ đầu năm đến nay, giá xăng dầu trong nước đã có 6 lần điều chỉnh giảm liên tiếp với tổng mức giảm lần lượt là: xăng E5 RON 92 giảm 7.952 đồng/lít; xăng RON 95 giảm 8.426 đồng/lít... Hiện tại, giá bán lẻ xăng trong nước đang ở mức thấp nhất trong vòng 11 năm trở lại đây, kể từ tháng 4/2009.

10 KỶ ĐIỀU CHỈNH GIÁ XĂNG GẦN NHẤT



Như vậy, trong lần điều chỉnh giảm mới nhất ngày 29/3, giá xăng trong nước tiếp tục đà giảm mạnh, cùng chiều với diễn biến của giá xăng dầu thế giới. Lần điều chỉnh này nhận được sự trông đợi rất lớn từ phía người dân, doanh nghiệp (đặc biệt là doanh nghiệp logistic) đang khó khăn do bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, bởi giá xăng dầu đi xuống sẽ góp phần giúp giảm chi phí đầu vào.

Tuy nhiên, xét từ phía các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, việc giá bán giảm lại khiến họ rơi vào cảnh “sống dở chết dở” khi sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 40% so với bình thường. Để đẩy hàng tồn, bán cắt lỗ, doanh nghiệp phân phối đã phải tăng mức chiết khấu lên 2.000 đồng/lít nhưng lượng bán vẫn không tăng. Thậm chí, nhiều doanh nghiệp xăng dầu mong muốn ngân hàng hỗ trợ giãn nợ vì “lỗ” nhiều.

Ba là, giá xăng dầu giảm, làm giảm áp lực lên lạm phát, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Giá dầu giảm mạnh tác động cả trực tiếp và gián tiếp, làm giảm tới nhiều nhóm ngành (trong rổ hàng hóa tính CPI) như: giao thông và nhóm dịch vụ điện nước, chất đốt, vật liệu xây dựng... từ đó làm giảm áp lực lên CPI, góp phần ổn định biến động của nhóm này. Do đó, việc giảm giá xăng, dầu sẽ góp phần giảm áp lực lên lạm phát; ổn định kinh tế vĩ mô.

11.6.2. Tác động tiêu cực

Một là, làm giảm nguồn thu NSNN từ dầu thô. Từ năm 2000 đến nay, tỷ trọng nguồn thu từ dầu thô trong cơ cấu thu NSNN giảm, từ mức bình quân 25% giai đoạn 2000-2008; xuống còn khoảng 13% giai đoạn 2009-2014 và hiện chỉ còn khoảng 4,7% giai đoạn 2015-2019. Tổng thu ngân sách từ dầu thô cũng giảm từ mức 115 nghìn tỷ đồng năm 2013 xuống chỉ còn khoảng 53 nghìn tỷ đồng năm 2019 chỉ bằng khoảng 46% năm 2012-2013 và bằng 54,3% năm 2014. Bên cạnh việc ảnh hưởng trực tiếp đến thu từ dầu thô, các loại thuế từ xăng, dầu (như thuế xuất nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt) cũng bị ảnh hưởng do giá dầu suy giảm.

Hai là, tác động tiêu cực đến ngành khai khoáng (nhất là dầu khí - hiện đang đóng góp khoảng 7,8% trong cơ cấu GDP). Đối với một số tập đoàn/doanh nghiệp khai thác dầu khí là hoạt động cốt lõi như PVN, PVD, GAS... thì giá dầu giảm xuống thấp sẽ làm giảm nguồn doanh thu; từ đó ảnh hưởng đến kế hoạch khai thác, thăm dò của năm 2020, cũng như các năm tiếp theo. Ngoài ra, một số doanh nghiệp dầu khí niêm yết còn chịu ảnh hưởng do giá cổ phiếu giảm mạnh, và phải chịu sức ép thoái vốn từ các nhà đầu tư.

11.7. Phản ứng chính sách từ phía Nhà nước

11.7.1. Chỉ thị 11: Nâng giá trị gói kích thích kinh tế

Trong nỗ lực giải cứu các doanh nghiệp và người lao động khỏi những tác động tiêu cực của dịch bệnh, ngày 4/3/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 11CT/TTg về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19. Trên tinh thần Chỉ thị trên, các Bộ, ban, ngành đã khẩn trương nghiên cứu, xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo cụ thể trong từng lĩnh vực mà mình phụ trách.

Cho đến cuối tháng 3/2020, nhiều chính sách hỗ trợ đã được ban hành. Trong thời gian tới, một số dự thảo Nghị định, đề án... sẽ sớm được thông qua và có hiệu lực.

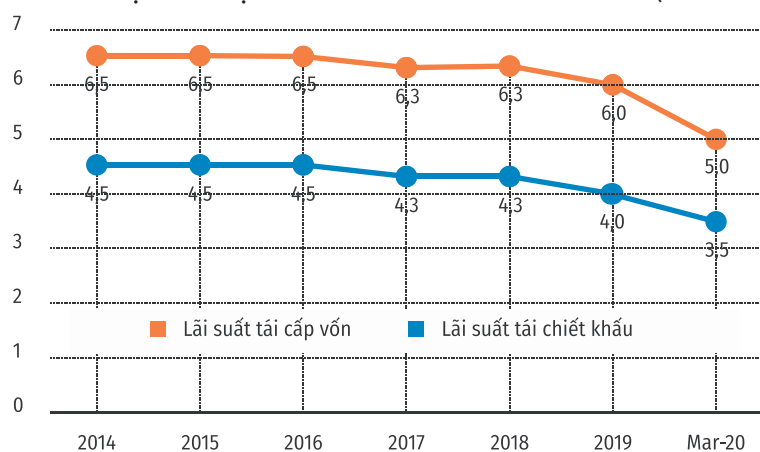
Theo đó, triển khai công việc quý II, Thủ tướng cho rằng cần kích thích tài khoá thông qua giảm, giãn thuế, phí, tăng chi tiêu công không phải chỉ 30.000 tỷ đồng (theo chỉ thị 11) mà nâng lên 150.000 tỷ đồng, thậm chí lớn hơn để hỗ trợ trong lúc khó khăn này.

11.7.2. Ngân hàng Trung ương giảm lãi suất, NHTM được đề nghị tăng gói hỗ trợ tín dụng và tiếp tục hạ lãi suất cho vay

Các chính sách được các doanh nghiệp đánh giá cao là cần thiết lần lượt là miễn, giảm lãi phí ngân hàng; hỗ trợ vay với mức lãi suất ưu đãi; và cơ cấu lại thời gian trả nợ và các khoản nợ. Trong bối cảnh nguồn thu sụt giảm, nguồn vốn sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, các chính sách hỗ trợ cho vay vốn với mức lãi suất ưu đãi là rất cần thiết nhằm giúp cho các doanh nghiệp duy trì và khôi phục sản xuất kinh doanh.

Ngày 13/3, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư 01/2020/TT-NHNN, văn bản hóa các chỉ đạo trước đó trong việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng. Định hướng chính sách này dựa trên nguyên tắc hỗ trợ cho doanh nghiệp giảm chi phí ở 2 kênh, giảm lãi suất cho vay, lãi suất tiền gửi và giảm phí giao dịch cho doanh nghiệp.

DIỄN BIẾN MỘT SỐ LOẠI LÃI SUẤT ĐIỀU HÀNH CỦA NHNN (2014 - 2020)



Nguồn: SBV, VNDirect Research

Ngoài chính sách điều hành tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng thương mại cũng chủ động đưa ra nhiều giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, với cam kết lãi suất cho vay giảm từ 0,5-2 %/năm so với mặt bằng lãi suất chung.

Bên cạnh đó, theo Vụ Tín dụng các ngành kinh tế (Ngân hàng Nhà nước), nhiều gói giải pháp cũng được các ngân hàng thương mại đưa ra như xây dựng và triển khai gói hỗ trợ tín dụng ưu đãi lãi suất, với tổng giá trị các gói tín dụng khoảng 250.000 nghìn tỷ đồng. Tuy nhiên, Thủ tướng Chính phủ cho rằng, gói hỗ trợ này cần cao hơn nữa.

Các chính sách còn lại, bao gồm: tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội, khống phí công đoàn, không tăng chi phí điện, nước và rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Đây cũng là những chính sách rất cần thiết giúp giảm chi phí hoạt động của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong khắc phục hậu quả do dịch Covid-19 gây ra.

Nhìn chung, các chính sách trên đều được các doanh nghiệp đánh giá cao về mức độ cần thiết. Tuy nhiên, dường như chưa có chính sách nào vượt trội hơn cả nhằm đáp ứng nhu cầu của số đông doanh nghiệp.

11.7.3. Hỗ trợ xã hội - Gói hỗ trợ chưa có tiền lệ

Tại phiên họp thường trực Chính phủ ngày 31/3/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành hữu quan hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

Về nội dung hỗ trợ, Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng cho hay, có các nội dung hỗ trợ gồm: Hỗ trợ thêm (ngoài mức trợ cấp thường xuyên) 500.000 đồng/người/tháng trong 3 tháng từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 cho các đối tượng là người có công với cách mạng (1,135 triệu người) đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng, đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng (dự kiến tổng số tiền hỗ trợ từ NSNN là 6.470 tỷ đồng, tổng số người được hỗ trợ 4,315 triệu người).

Hỗ trợ 1.000.000 đồng/hộ/tháng trong 3 tháng từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 cho các đối tượng là hộ nghèo (984.000 hộ), hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia trong danh sách đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 (dự kiến tổng số tiền hỗ trợ từ NSNN là 6.730 tỷ, tổng số hộ được hỗ trợ 2.244.000 hộ).

Hỗ trợ 1.800.000 đồng/người/tháng trong 3 tháng từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 cho các đối tượng là người lao động bị tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ không lương tại các doanh nghiệp (dự kiến tổng số tiền hỗ trợ từ NSNN là 5.400 tỷ đồng, tổng số lao động được hỗ trợ 1 triệu lao động).

Người sử dụng lao động được vay Ngân hàng Chính sách xã hội với lãi suất 0%, thời hạn không quá 12 tháng, mức vay tối đa theo 50% mức lương tối thiểu vùng/tháng/người để trả lương cho người lao động bị ngừng việc trong 3 tháng và có trách nhiệm trả số tiền lương ngừng việc còn lại cho người lao động (dự kiến số tiền cho vay là 16.200 tỷ đồng, tổng số lao động được hỗ trợ 3 triệu lao động).

Hỗ trợ 1.000.000 đồng/hộ/tháng trong 3 tháng từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 cho đối tượng là hộ kinh doanh cá thể có doanh thu khai thuế dưới 100 triệu đồng/năm tạm ngừng kinh doanh theo Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ (dự kiến tổng số tiền hỗ trợ từ NSNN là 2.280 tỷ đồng, tổng số hộ kinh doanh cá thể được hỗ trợ 760 ngàn hộ).

Hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/tháng trong 3 tháng từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 cho các đối tượng là người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động nhưng chưa đủ điều

kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp; lao động không có giao kết hợp đồng lao động, mất việc làm (dự kiến tổng số tiền hỗ trợ từ NSNN là 15.000 tỷ đồng, tổng số lao động được hỗ trợ là 5 triệu lao động).

Trường hợp đối tượng hỗ trợ thuộc diện được hưởng từ 2 chính sách hỗ trợ trở lên tại Nghị quyết này thì chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ cao nhất.

Bên cạnh đó, có 02 chính sách hỗ trợ đặc thù và cho áp dụng quy trình đơn giản hóa tạo điều kiện người lao động được gửi hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Cụ thể, người lao động và người sử dụng lao động được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất trong thời gian tối đa không quá 12 tháng khi bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 dẫn đến phải giảm từ 50% số lao động thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội trở lên (kể cả lao động ngừng việc). Dự kiến số tiền được tạm dừng khoảng 6.500 tỷ đồng.

Cho phép người sử dụng lao động được hỗ trợ từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp để đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề nhằm duy trì việc làm cho người lao động theo quy định của Luật Việc làm. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 tháng, mức hỗ trợ tối đa là 1.000.000 đồng/người/tháng. Dự kiến số tiền được hỗ trợ là 3.000 tỷ đồng. ■



III. KẾT LUẬN

Dịch cúm đã có những tác hại đến các nền kinh tế hàng đầu thế giới. Thị trường chứng khoán Mỹ giảm ở mức kỷ lục hơn 30% chỉ trong vòng 1 tháng, từ giữa tháng 2 đến giữa tháng 3. Nạn thất nghiệp ở Mỹ có thể tăng lên tới 20%, gấp 6 lần so với con số trước lúc dịch bệnh. Tăng trưởng GDP của Trung Quốc, quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất của dịch cúm, năm nay dự đoán sẽ giảm xuống chỉ còn 3%, chỉ bằng một nửa so với năm 2019.

Tại Việt Nam, các doanh nghiệp đang gặp rất nhiều khó khăn, các nhà máy sản xuất bắt đầu cho cắt giảm lao động hoặc nghỉ luân phiên. Trình trạng doanh nghiệp có nguy cơ đóng cửa, giải thể, phá sản rất cao. Nếu tình hình dịch bệnh tiếp tục kéo dài, việc mua bán sáp nhập doanh nghiệp trong thời gian tới sẽ diễn ra mạnh mẽ hơn, nhiều nguy cơ các doanh nghiệp tiềm năng của Việt Nam sẽ bị thu tóm bởi các nhà đầu tư nước ngoài với giá rẻ.

Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của dịch covid-19, nền kinh tế của thế giới đang bị đình trệ, nhu cầu về dầu giảm sút mạnh cùng với vấn đề địa chính trị và cuộc chiến giá dầu giữa các quốc gia, đặc biệt là Ả Rập Saudi với Nga và Mỹ đã khiến dầu rớt giá thê thảm. Điều này đã ảnh hưởng rất lớn đến các doanh nghiệp nội địa; tác động mạnh mẽ đến thị trường tài chính trong nước (chứng khoán, tỷ giá...) và các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ.

Để vượt qua giai đoạn hiện nay, trong thời gian tới, cần thực hiện tốt các chỉ đạo, giải pháp của Chính phủ nhằm tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, giải quyết an sinh xã hội, tăng cường an ninh trật tự và an toàn xã hội, nỗ lực vượt qua suy thoái - cuộc suy thoái được đánh giá còn nặng nề hơn cuộc khủng hoảng năm 2008. Đồng thời, chủ động trong việc xây dựng kịch bản phát triển quốc gia đón đầu sau đại dịch.

Muốn vậy, trước hết, chúng ta phải thay đổi chính quan điểm và nhận thức của chúng ta về sự thay đổi.

III.1. CHÍNH QUYỀN VÀ BẦU CỬ

- Nhờ việc ảo hóa quốc hội mà số thành viên của quốc hội có thể gia tăng mà không bị khống chế bởi số lượng người trong một không gian hẹp.

- Các dịch vụ an sinh cơ bản của Chính phủ sẽ quay trở lại vai trò chủ đạo và chậm tiến độ tư nhân hóa các dịch vụ này.

- Trong khủng hoảng, vai trò của Chính phủ sẽ trở nên quan trọng hơn bao giờ hết và cần quyền lực tập trung cho các quyết định nhanh và hợp lý.

- Nhiều quy tắc cũ đã không còn được áp dụng và trở thành tiêu chuẩn hướng đến cho các thể chế, như đòi hỏi dân chủ trong thời dịch hoặc thời chiến.

- Bỏ phiếu điện tử đóng vai trò chủ đạo: sẽ có luật bỏ phiếu điện tử cho các cử tri. Bỏ phiếu tại nhà cho các cử tri mù hoặc khuyết tật. Bỏ phiếu qua ứng dụng trên điện thoại.

- Ngày bầu cử sẽ thành Tháng bầu cử: quá trình chuyển đổi này sẽ thay đổi kế hoạch và cơ chế vận hành để ngăn chặn gian lận và đối xử bình đẳng giữa các cử tri.

- Bỏ phiếu qua thư sẽ trở thành tiêu chuẩn được công nhận.

- Gia tăng niềm tin và đòi hỏi cải tổ đối với các tổ chức liên kết quốc tế để giải quyết các vấn đề toàn cầu như dịch bệnh và môi trường.

- Dịch bệnh kéo theo khoảng cách bất bình đẳng càng gia tăng do những người nghèo sẽ bị ảnh hưởng nhiều hơn, điều này kéo theo các cuộc khủng hoảng chính trị, biểu tình và nổi dậy đe dọa đến các thể chế dân chủ.

III.2. KHOA HỌC VÀ SỨC KHỎE

- Khoa học cơ bản lên ngôi: khi khủng hoảng xảy ra, người ta sẽ mất niềm tin vào các phát biểu chính trị và các luận cứ khoa học trở thành niềm tin duy lý mà con người neo giữ vào. Mọi người sẽ hành xử và lựa chọn quyết định trên các căn cứ khoa học hơn là theo xu hướng đám đông.

- Rào cản quy định cho các công cụ trực tuyến sẽ giảm.

- Thực tế ảo sẽ lên ngôi: người ta có thể tham gia vào một cuộc họp quốc hội thực tế ảo tăng cường thay vì một cuộc họp trực tiếp. Bạn chỉ cần đeo kính và có thể tham gia vào các môi trường khác nhau.

- Gia tăng việc chăm sóc y tế từ xa (telemedicine): đòi hỏi thay đổi trong luật khám chữa bệnh để có thể ảo hóa dịch vụ khám bệnh và chỉ định điều trị. Nhiều rào cản cho việc số hóa có thể sẽ phải được gỡ bỏ hoặc giảm thiểu đối với các quy định ngặt nghèo trong y tế. Một cuộc gọi video từ nhà đến bác sĩ sẽ phải được công nhận để có thể kê đơn và giao thuốc.

- Mở ra nhiều cơ hội cho chăm sóc sức khỏe gia đình: Cách ly xã hội khiến các tế bào gia đình trở nên mạnh mẽ và cần nhu cầu chăm sóc sức khỏe và dịch vụ chung cho cả gia đình.

- Chính phủ sẽ mua lại hoặc sở hữu các công ty dược để trở thành đơn vị cung ứng hàng hóa dịch vụ công lớn: Vắc xin và các khuyết điểm của thị trường tự do và kinh tế tư nhân không khuyến khích doanh nghiệp đầu tư một số sản phẩm và dịch vụ công thiết yếu trong y dược (vắc xin, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, những người yếu thế...). Đồng thời khi nắm một số nguồn cung thiết yếu, sẽ không gặp phải sự gián đoạn trong cung cấp dược phẩm toàn cầu. Thế giới sẽ phải xem xét lại bản quyền dược phẩm của các công ty dược và các quốc gia; sẽ ưu tiên hơn cho sử dụng các sản phẩm genetic. Đối với Việt Nam đây là cơ hội để phục dựng lại nền Nam y - “Nam dược trị Nam nhân” với nhiều cây thuốc và bài thuốc quý mang chỉ dẫn địa lý của riêng Việt Nam.

III.3. KINH TẾ VÀ LỐI SỐNG TOÀN CẦU

- Hạn chế tiêu thụ đại trà: các kích thích tổng cầu thông qua tiêu dung sẽ bị hạn chế lại, tiêu thụ sẽ phù hợp với từng nhóm nhu cầu hơn.

- *Các chuỗi cung ứng trong nước của từng quốc gia sẽ mạnh hơn:* do lo sợ đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, các phương án thay thế trong nước sẽ được hỗ trợ và do đó mô hình các chuỗi cung ứng toàn cầu - địa phương sẽ thay đổi.

- *Khoảng cách bất bình đẳng sẽ mở rộng:* quá trình phục hồi sẽ khiến những thể chế giàu có mua lại các thể chế phá sản với giá tài sản rẻ mạt.

- *Ăn tối ở bên ngoài ít hơn nhưng nấu ăn ở các hộ gia đình sẽ nhiều hơn.*

- *Các công viên với không gian mở sẽ hồi sinh:* người ta vẫn tham gia công viên với khoảng cách giãn cách nhưng thực hiện ở không gian môi trường tự nhiên.

- *Công nghệ giọng nói, nhận diện khuôn mặt* sẽ được mở rộng cho kiểm soát bảo mật và các lối ra vào.

- *Thay đổi trong hành vi và thói quen* kéo theo các thói quen mới cho phù hợp với sự thay đổi của môi trường sống.

- *Khoảng cách giữa các cá nhân xa hơn* nhưng lại kết nối được đến với nhiều người hơn và cảm giác an toàn hơn.

- *Vai trò của cá nhân sẽ giảm đi* trong khi vai trò của các gia đình sẽ tăng lên. Chủ nghĩa cá nhân sẽ bị sụt giảm.

- *Tôn giáo và các hình thức sinh hoạt tôn giáo* phải thay đổi, đặc biệt với các hình thức tế lễ và ăn mừng.

- *Một lối sống số lành mạnh hơn* khi người ta phải làm việc, học tập trên môi trường số thay vì chỉ giải trí. ■



*Ảnh bìa 1:
Hà Nội vắng lặng trong những ngày
thực hiện cách ly xã hội.
© TOQUOC.VN/TIẾN TUẤN*

BÁO CÁO KINH TẾ - QUÝ I, 2020

Thực hiện tháng 4/2020

**NHÓM NGHIÊN CỨU
VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH**